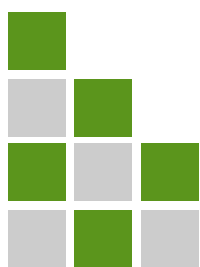




# Phong lan

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG**

**HAI PHONG ELECTRICAL MECHANICAL JOINT STOCK**



**Annual Report**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024**



|             |  |    |
|-------------|--|----|
| <b>I.</b>   | THÔNG TIN CHUNG.....                             | 03 |
|             | GENERAL INFORMATION                              | 04 |
| <b>II.</b>  | QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.....          | 05 |
|             | FORMATION AND DEVELOPMENT PROCESS                | 06 |
| <b>III.</b> | NGÀNH NGHỀ KINH DOANH.....                       | 07 |
|             | BUSINESS ACTIVITIES                              | 08 |
| <b>IV.</b>  | CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ.....                       | 09 |
|             | MANAGEMENT STRUCTURE                             | 10 |
| <b>V.</b>   | TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....                          | 11 |
|             | ORGANIZATION AND PERSONNEL                       | 12 |
| <b>VI.</b>  | QUẢN TRỊ CÔNG TY.....                            | 19 |
|             | CORPORATE GOVERNANCE                             | 20 |
| <b>VII</b>  | HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.....               | 41 |
|             | PRODUCTION AND BUSINESS ACTIVITIES               | 42 |
| <b>VIII</b> | NĂNG LỰC SẢN XUẤT TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ.....        | 66 |
|             | PRODUCTION CAPACITY AND TECHNOLOGICAL LEVEL      | 67 |
| <b>IX.</b>  | CƠ CẤU VÀ CÁC CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG..... | 69 |
|             | STRUCTURE AND POLICIES                           | 70 |
| <b>X.</b>   | CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY.....           | 71 |
|             | COMPANY DEVELOPMENT STRATEGY                     | 72 |
| <b>XI.</b>  | TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....               | 73 |
|             | OPERATIONAL PERFORMANCE DURING THE YEAR          | 74 |
|             | PHỤ LỤC I - APPENDIX I .....                     | 76 |

## I. THÔNG TIN CHUNG



Tên Công ty:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG**

Tên tiếng Anh:

**HAI PHONG ELECTRICAL MECHANICAL JOINT STOCK COMPANY.**

Tên viết tắt: HAPEMCO.

Trụ sở chính: 734 Nguyễn Văn Linh, An Dương, Lê Chân, Hải Phòng.

Điện thoại: +84-225-3835927 Fax: +84-225-3857393

Website: [www.hapemco.vn](http://www.hapemco.vn) Email: [diencohaiphong@hapemco.vn](mailto:diencohaiphong@hapemco.vn)

Người đại diện: Ông Mai Văn Minh - Tổng Giám đốc.

Vốn điều lệ: **94.922.000.000** đồng.

Vốn điều lệ thực góp: **94.922.000.000** đồng.

Số đăng ký kinh doanh: 0200 580 118.

Mã số thuế: 0200 580 118.

Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam,  
Chi nhánh Hồng Bàng, TP Hải Phòng.

Niêm yết tại: Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Tên cổ phiếu: Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng.

Mã cổ phiếu: DHP.

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tổng số lượng niêm yết: 9.492.200 cổ phiếu.

Tổng giá trị niêm yết: 94.922.000.000 đồng (theo mệnh giá).

Logo thương hiệu sản phẩm:



Thương hiệu quạt điện  
dân dụng “Phong Lan”



Thương hiệu quạt điện  
công nghiệp “GALE”

## I. GENERAL INFORMATION



Company Name:

**HAI PHONG ELECTRICAL MECHANICAL JOINT STOCK COMPANY**

Abbreviation: HAPEMCO.

Head office: 734 Nguyen Van Linh, An Duong, Le Chan, Hai Phong.

Phone: +84-225-3835927 Fax: +84-225-3857393

Website: [www.hapemco.vn](http://www.hapemco.vn) Email: [diencohaiphong@hapemco.vn](mailto:diencohaiphong@hapemco.vn)

Representative: **Mr. Mai Van Minh - General Director.**

Charter capital: VND 94,922,000,000.

Contributed charter capital: VND 94,922,000,000.

Business registration number: 0200 580 118.

Tax code: 0200 580 118.

Bank: Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade,  
Hong Bang Branch, Hai Phong City.

Listed at: Hanoi Stock Exchange (HNX)

Stock name: Cong ty Co phan Dien co Hai Phong

Stock code: DHP.

Stock type: Common stock.

Par value: VND 10,000/share.

Total number of listed shares: 9,492,200 shares.

Total listed value: VND 94,922,000,000 (according to par value).

Product brand logo:



‘Phong Lan’ household  
electric fan



‘Gale’ industrial fan

## II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



- Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng là một trong những đơn vị công nghiệp đầu tiên của thành phố, được thành lập ngay sau khi Hải Phòng giải phóng, và miền Bắc bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm hậu phương vững chắc cho miền Nam. Tiền thân của Công ty là xí nghiệp Hải Phòng điện khí (thành lập năm 1961) được sáp nhập từ 3 cơ sở công ty hợp doanh nhỏ trong nội thành. Tuy nhỏ nhưng công ty lại có nhiều điều kiện phát triển bởi một ngành hàng đặc biệt là các loại quạt điện và động cơ điện.

- Đến năm 1986, Xí nghiệp Hải Phòng Điện khí được đổi tên thành Xí nghiệp Điện cơ Hải Phòng. Giai đoạn này các sản phẩm của Xí nghiệp gần như độc quyền, sản xuất tới đâu tiêu thụ hết đến đó, uy tín ngày càng được nâng cao nhưng xí nghiệp vẫn không ngừng nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm, nhất là các loại quạt điện, động cơ điện, máy hàn, trong đó quạt điện mang nhãn hiệu “Phong Lan” là chủ yếu và nhanh chóng nổi tiếng khắp nơi.

- Sau 02 lần chuyển đổi mô hình hoạt động, tháng 01 năm 2004 Công ty được đổi tên thành Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng. Từ đó đến nay, công ty càng có điều kiện tăng cường đầu tư, đổi mới thiết bị máy móc, chăm lo tới yếu tố con người, thị trường và nhiều lĩnh vực thiết yếu khác.
- Bên cạnh đó Công ty Mitsubishi của Nhật Bản đã tin tưởng lựa chọn Điện cơ Hải Phòng là nhà phân phối độc quyền sản phẩm quạt điện tại Việt Nam từ Đà Nẵng trở ra.
- Cuối năm 2008, Công ty đã đầu tư công nghệ, trang thiết bị để sản xuất dòng quạt điện công nghiệp mang thương hiệu Gale. Hiện nay thương hiệu Gale của Công ty đã được người tiêu dùng khắp cả nước nhiệt tình ủng hộ. Để chuyên nghiệp hóa sản phẩm kể cả về chủng loại và mẫu mã sản phẩm, năm 2011, Hội đồng quản trị đã đầu tư cơ sở mới chuyên sản xuất quạt điện công nghiệp Gale tại khu công nghiệp Quán Trữ - Kiến An – Hải Phòng với diện tích gần 8.000m<sup>2</sup>.



- Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn duy trì thực hiện quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015 và áp dụng mô hình quản lý 5S đối với các Phân xưởng sản xuất do tổ chức JIKA Nhật Bản tư vấn và hỗ trợ.

- Năm 2018, Công ty đã tìm hiểu và mở rộng thị trường xuất khẩu sang Myanmar, đồng thời trong năm 2019 sản lượng xuất khẩu của Công ty đến thị trường này đạt hơn 50.000 loại quạt các loại.

## II. FORMATION AND DEVELOPMENT PROCESS



- Hai Phong Electrical Mechanical JSC is one of the first industrial units of the city, established right after Hai Phong was liberated, and the North entered the process of building socialism, creating a solid rear for the South. The predecessor of the Company was Hai Phong Electric Enterprise (established in 1961) which was merged from 3 small joint ventures in the inner city. Although small, the company has many conditions for development because of a special product line of electric fans and electric motors.
- By 1986, Hai Phong Electric Enterprise was renamed Hai Phong Electrical Mechanical Enterprise. During this period, the Enterprise's products were almost exclusive, production was sold as soon as it was produced, its reputation was increasingly enhanced, but the enterprise still continuously researched to improve product quality, especially electric fans, electric motors, welding machines, in which electric fans with the brand name "Phong Lan" were the main ones and quickly became famous everywhere.
- After 02 times of changing the operating model, in January 2004 the Company was renamed Hai Phong Electrical Mechanical JSC. Since then, the Company has had more conditions to increase investment, innovate equipment and machinery, take care of human factors, market and many other essential fields.
- Besides, Japan's Mitsubishi Electric has trusted and chosen Hapemco as the exclusive distributor of electric fan products in Vietnam from Da Nang up.
- At the end of 2008, Hapemco invested in technology and equipment to produce industrial electric fans under the "Gale brand". Currently, the Company's "Gale" brand has been enthusiastically supported by consumers across the country. In order to professionalize products in terms of both product types and designs, in 2011, the BOD invested in a new facility specializing in the production of Gale industrial electric fans in Quan Tru Industrial Park - Kien An - Hai Phong with an area of nearly 8,000m<sup>2</sup>.



- During its operation, the Company always maintains quality management according to international standards ISO 9001:2015 and applies the 5S management model to production workshops with advice and support from JIKA Japan.
- In 2018, the Company researched and expanded the export market to Myanmar, and in 2019, the Company's export output to this market reached more than 50,000 types of fans of all kinds.



### III. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



#### **1. Ngành nghề chính:**

- Sản xuất quạt gia dụng, các linh kiện thiết bị điện liên quan đến ngành quạt; tủ lạnh, tủ ướp lạnh, máy rửa bát, máy giặt và sấy khô, máy hút bụi, máy lau sàn, máy nghiền rác, máy xay, nghiền, ép hoa quả, mở hộp, máy cạo râu điện, đánh răng điện và các thiết bị dùng cho cá nhân bằng điện khác, máy mài dao, quạt thông gió, máy đun nước bằng điện, chần điện, máy sấy, cuộn tóc bằng điện, bàn là điện, máy sưởi và quạt gia dụng, lò điện, lò vi sóng, bếp điện, lò nướng bánh, máy pha cà phê, chảo rán, quay, nướng, hấp, điện trở;
- Đại lý các loại quạt gia dụng, quạt công nghiệp, máy móc, thiết bị công nghiệp; môi giới các loại hàng máy móc, thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất đồ điện dân dụng
- Đại lý, môi giới, đấu giá
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
- Sản xuất máy thông dụng khác
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Đại lý du lịch
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn ghế và đồ nội thất
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic



#### **2. Địa bàn kinh doanh chính:**

- Trụ sở chính: Số 734 Nguyễn Văn Linh, p.Niệm Nghĩa, q.Lê Chân, TP Hải Phòng.
- Showroom trưng bày sản phẩm: Số 734 Nguyễn Văn Linh, p.Niệm Nghĩa, q.Lê Chân, TP Hải Phòng.
- Cửa hàng bán và giới thiệu sản phẩm: Số 20 Đình Tiên Hoàng, p.Hoàng Văn Thụ, q.Hồng Bàng, TP Hải Phòng.

### III. BUSINESS ACTIVITIES



#### **1. Main industry:**

- Manufacture of household fans, electrical equipment components related to the fan industry; refrigerators, freezers, dishwashers, washing machines and dryers, vacuum cleaners, floor cleaners, garbage disposals, blenders, grinders, fruit juicers, can openers, electric shavers, electric toothbrushes and other electric personal appliances, knife sharpeners, ventilators, electric water heaters, electric blankets, dryers, electric hair curlers, electric irons, heaters and household fans, electric ovens, microwave ovens, electric cookers, toasters, coffee makers, frying pans, roasters, grills, steamers, resistors;
- Agents of all kinds of household fans, industrial fans, machinery, industrial equipment; brokers of all kinds of machinery, industrial equipment;
- Manufacture of household electrical appliances
- Agents, brokers, auctioneers
- Manufacture of motors, generators, electric transformers, electrical distribution and control equipment
- Manufacture of other general machinery
- Short-term accommodation services
- Restaurants and catering services,
- Travel agencies
- Support services related to promotion and organization of tours
- Wholesale of other household goods
- Wholesale of other machinery, equipment and spare parts
- Wholesale of metals and metal ores
- Retail of household electrical appliances, cabinets, tables, chairs and furniture
- Road freight transport
- Inland waterway passenger transport, inland waterway freight transport
- Warehousing and storage of goods
- Manufacture of plastic products



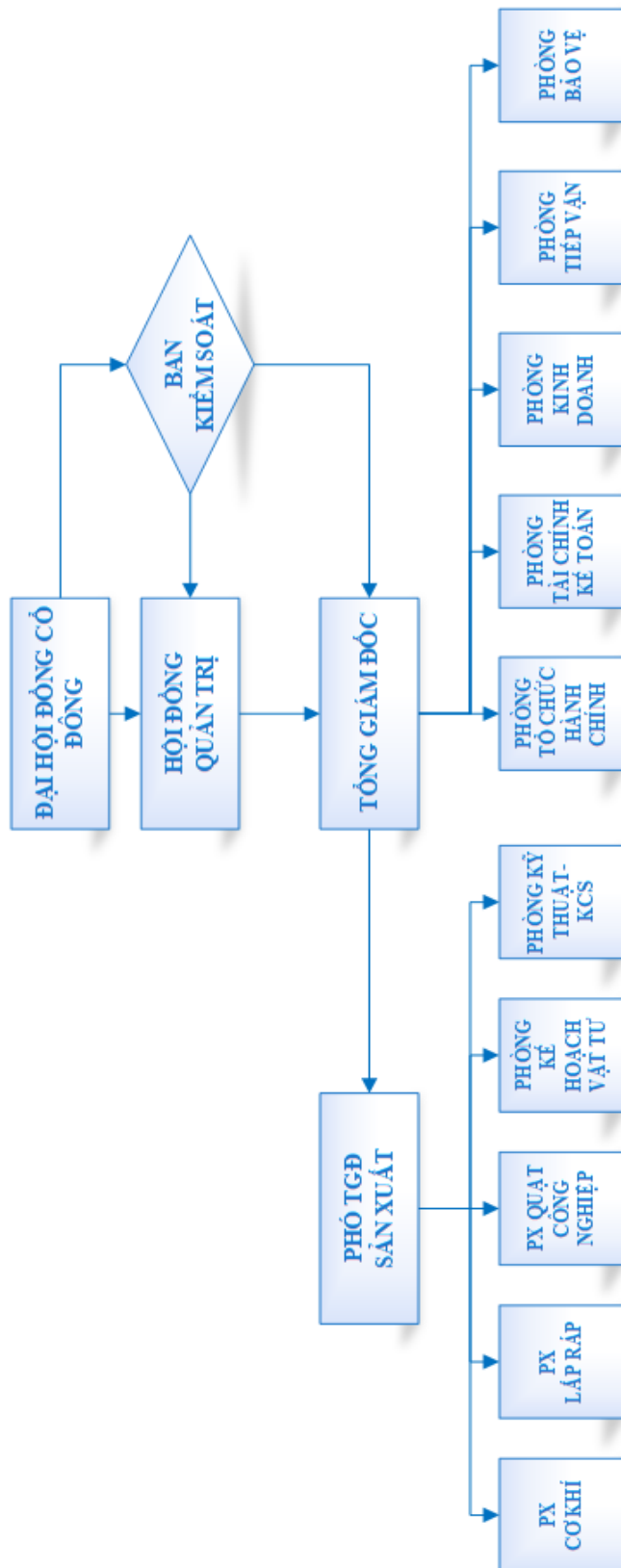
#### **2. Main business location:**

- Head office: No. 734 Nguyen Van Linh, An Duong ward, Le Chan district, Hai Phong city.
- Product showroom: No. 734 Nguyen Van Linh, An Duong ward, Le Chan district, Hai Phong city.
- Product sales and introduction store: No. 20 Dinh Tien Hoang, Hoang Van Thu ward, Hong Bang district, Hai Phong city.



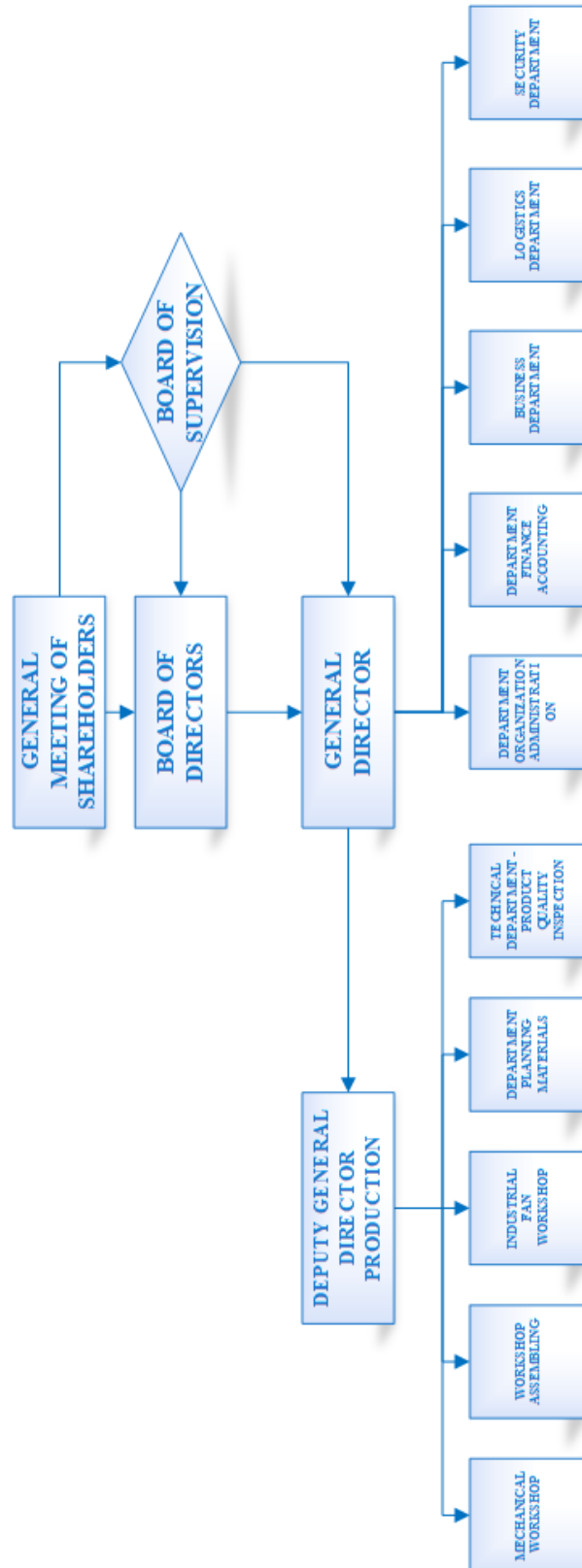


### SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG 2024





### ORGANIZATIONAL STRUCTURE CHART HAI PHONG ELECTRICAL MECHANICAL JSC 2024



**DANH SÁCH VÀ CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH:**

| Họ và tên            | Chức vụ           | Ngày sinh  | Số cổ phần<br>nắm giữ | Tỷ lệ (%) |
|----------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|
| Mai Văn Minh         | Tổng Giám đốc     | 17/01/1972 | 201,394               | 2.12%     |
| Nguyễn Minh Chung    | Phó Tổng giám đốc | 24/05/1986 | 100,009               | 1.05%     |
| Trịnh Thị Lan Phương | Kế toán trưởng    | 21/10/1971 | 120,277               | 1.26%     |

**1. Tổng giám đốc – Mai Văn Minh**

Họ và tên : **MAI VĂN MINH**  
 Giới tính : Nam  
 Ngày sinh : 17/01/1972  
 Nơi sinh : Định Công – Yên Định – Thanh Hóa  
 CMND : 031072012293 cấp ngày 10/05/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Chỗ ở hiện tại : Số 02 đường Vũ Hải, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng .  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

| Thời gian          | Đơn vị công tác                   | Chức vụ công tác                        |
|--------------------|-----------------------------------|---|
| Năm 1997           | Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng   | Nhân viên                               |
| Từ năm 1998 - 2002 | Công ty Điện cơ Hải phòng         | Phó phòng Kế hoạch                      |
| Từ năm 2003 - 2005 | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải phòng | Phó phòng Cung tiêu, TV-HĐQT (năm 2004) |
| Từ năm 2006 - 2007 | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải phòng | TV-HĐQT, Trưởng phòng Kinh doanh        |
| Từ năm 2008 - 2011 | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải phòng | TV-HĐQT, Trưởng phòng Kế hoạch          |
| Từ năm 2012 - 2018 | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải phòng | TV-HĐQT, Phó Tổng giám đốc              |
| T4/2018 - T4/2022  | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải phòng | TV-HĐQT, Tổng giám đốc                  |
| T5/2022 đến nay    | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải phòng | Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc        |

## V. ORGANIZATION AND PERSONNEL



### LIST AND MEMBERS OF THE EXECUTIVE BOARD:

| Full name            | Position                | Date of birth | Number of shares held | (%)   |
|----------------------|-------------------------|---------------|-----------------------|-------|
| Mai Văn Minh         | General Director        | 17/01/1972    | 201,394               | 2.12% |
| Nguyễn Minh Chung    | Deputy General Director | 24/05/1986    | 100,009               | 1.05% |
| Trịnh Thị Lan Phương | Chief Accountant        | 21/10/1971    | 120,277               | 1.26% |

#### 1. General Director – Mai Văn Minh

Full name : **MAI VĂN MINH**  
 Sex : Male  
 Date of birth : 17/01/1972  
 Place of Origin : Định Công – Yên Định – Thanh Hóa  
 Identity Card No. : 031072012293 cấp ngày 10/05/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH  
 Nationality : Việt Nam  
 Nation : Kinh  
 Place of residence : Số 02 đường Vũ Hải, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng .  
 Cultural level : 12/12  
 Professional qualification : Bachelor of Economics

#### Employment history :

| Timeline            | Workplace                               | Position   |
|---------------------|---|--|
| In 1997             | Bach Dang Construction Corporation      | Employee   |
| 1998 - 2002         | Hai Phong Electrical Mechanical Company | Deputy Head of the Planning Department   |
| 2003 - 2005         | Hai Phong Electrical Mechanical JSC     | Deputy Head of Supply and Procurement Department , Member of the BOD (In 2004) |
| 2006 - 2007         |   | Member of the BOD, Head of Sales Department                                    |
| 2008 - 2011         |   | Member of the BOD, Head of Material Planning Department                        |
| 2012 - 2018         |   | Member of the BOD, Deputy General Director                                     |
| Apr/2018 - Apr/2022 |   | Member of the BOD, General Director  |
| May/2022 to present |   | Vice Chairman of the BOD, General Director                                     |

## V. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (...tiếp)



Chức vụ hiện nay : Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc CTCP Điện cơ Hải Phòng  
 Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không  
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
 Các khoản nợ đối với công ty : Không  
 Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không  
 Lợi ích liên quan đối với công ty : Không  
 Số cổ phần nắm giữ của cá nhân : 201,394 cổ phần  
 Số cổ phần đại diện : Không  
 Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Không

### 2. Phó Tổng giám đốc – Nguyễn Minh Chung:

Họ và tên : **NGUYỄN MINH CHUNG**  
 Giới tính : Nam  
 Ngày sinh : 24/05/1986  
 Nơi sinh : Đà Nẵng  
 CMND : 031171002197 cấp ngày 25/07/2016 tại CA Hải Phòng  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Chỗ ở hiện tại : Số 12, Lê Văn Thuyết, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư

| Thời gian           | Đơn vị công tác                   | Chức vụ  |
|---------------------|-----------------------------------|--|
| T11/2010 – T06/2012 | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Nhân viên Phòng Kỹ thuật   |
| T07/2012 - T08/2012 | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Phó quản đốc PX Lắp ráp  |
| T09/2012 - T04/2021 | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Quản đốc PX lắp ráp, Phó phòng Kế hoạch Vật Tư, Quản đốc PX Cơ khí |
| T05/2021 đến nay    | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Phó Tổng Giám đốc  |
| T05/2022 đến nay    | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | TV-HĐQT, Phó Tổng giám đốc   |



## V. ORGANIZATION AND PERSONNEL (...continued)



Current position : Vice Chairman of the BOD, General Director

Position held in other organizations : None

Illegal conduct : None

Liabilities to the company : None

Other benefits : None

Related party interests in the company : None

Individual shareholding : 201,394 shares

Number of shares represented : None

Related parties holding shares in the company : None

### 2. Deputy General Director – Nguyễn Minh Chung:

Full name : **NGUYỄN MINH CHUNG**

Sex : Male

Date of birth : 24/05/1986

Place of birth : Đà Nẵng

Identity Card No. : 031171002197

Nationality : Việt Nam

Nation : Kinh

Place of residence : Số 12, Lê Văn Thuyết, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng

Cultural level : 12/12

Professional qualification : Electrical Engineer

| Timeline            | Workplace                           | Position  |
|---------------------|-------------------------------------|---|
| Nov/2010 – Jun/2012 | Hai Phong Electrical Mechanical JSC | Technical Department Employee   |
| Jul/2012 - Aug/2012 |                                     | Deputy Foreman of the Assembly Workshop   |
| Sep/2012 - Apr/2021 |                                     | Foreman of the Assembly Workshop, Deputy Head of Material Planning Department, Foreman of the Mechanical Workshop |
| May/2021 to present |                                     | Deputy General Director   |
| May/2022 to present |                                     | Mem of the BOD, Deputy General Director   |

## V. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (...tiếp)

|   |   |  |
|---|---|--|
| Chức vụ hiện nay                                      | : | TV-HDQT Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng,<br>Phó Tổng giám đốc.         |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác                        | : | Không  |
| Hành vi vi phạm pháp luật                             | : | Không  |
| Các khoản nợ đối với công ty                          | : | Không  |
| Lợi ích liên quan đối với công ty                     | : | Không  |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân                        | : | 100,009 cổ phần  |
| Số cổ phần đại diện                                   | : | Không  |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty | : | Bố vợ: Hoàng Hữu Khâm - 560 cổ phần<br>Mẹ vợ: Đàm Thị Lan - 1080 cổ phần |

### 3. Kế toán trưởng – Trịnh Thị Lan Phương:

|                     |   |  |
|---------------------|---|--|
| Họ và tên           | : | <b>TRỊNH THỊ LAN PHƯƠNG</b>                                  |
| Giới tính           | : | Nữ   |
| Ngày sinh           | : | 21/10/1971   |
| Nơi sinh            | : | Hải Dương  |
| CMND                | : | 031171002197 cấp ngày 25/07/2016 tại CA Hải Phòng            |
| Quốc tịch           | : | Việt Nam   |
| Dân tộc             | : | Kinh   |
| Chỗ ở hiện tại      | : | Số 11/77 Trần Phú, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng |
| Trình độ văn hóa    | : | 12/12  |
| Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân kinh tế  |

| Thời gian              | Đơn vị công tác                   | Chức vụ   |
|------------------------|-----------------------------------|---|
| Từ năm 1996 - 2004:    | Xi nghiệp Điện cơ Hải Phòng       | Nhân viên kế toán                                       |
| Từ năm 2005 - 6/2012:  | Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Phó phòng Kế toán                                       |
| Từ T7/2012 - T10/2015: | Công ty Cổ phần Điện cơ Phong Lan | Kế toán trưởng, TV Ban kiểm soát CTCP Điện cơ Hải Phòng |
| T1/2016 đến nay        | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Kế toán trưởng  |
| T4/2017 đến nay        | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | TV-HDQT, Kế toán trưởng                                 |

## V. ORGANIZATION AND PERSONNEL (...continued)

Current position : Mem of the BOD, Deputy General Director

Position held in other organizations : None

Illegal conduct : None

Liabilities to the company : None

Other benefits : None

Individual shareholding : 100,009 shares

Number of shares represented : None

Related parties holding shares in the company : Father-in-law: Hoàng Hữu Khâm - 560 shares  
Mother-in-law: Đàm Thị Lan - 1080 shares

### 3. Chief Accountant – Trịnh Thị Lan Phương:

Full name : **TRỊNH THỊ LAN PHƯƠNG**

Sex : Female

Date of birth : 21/10/1971

Place of birth : Hải Dương

Identity Card No. : 031171002197

Nationality : Việt Nam

Nation : Kinh

Place of residence : Số 11/77 Trần Phú, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Cultural level : 12/12

Professional qualification : Bachelor of Economics

| Timeline             | Workplace                                  | Position  |
|----------------------|--|---|
| 1996 - 2004:         | Hai Phong Electrical Mechanical Enterprise | Accountant  |
| 2005 - Jun/2012:     | Hai Phong Electrical Mechanical JSC        | Deputy Head of Accounting Department  |
| Jul/2012 - Oct/2015: | Phong Lan Electrical Mechanical JSC        | Chief Accountant, Mem of the Supervisory Board of Hai Phong Electrical Mechanical JSC |
| Jan/2016 to present  | Hai Phong Electrical Mechanical JSC        | Chief Accountant  |
| Apr/2017 to present  |  | Mem of the BOD, Chief Accountant  |

## V. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (...tiếp)

|   |   |   |
|---|---|---|
| Chức vụ hiện nay                                      | : | TV-HĐQT Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng<br>Kế toán trưởng |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác                        | : | Không   |
| Hành vi vi phạm pháp luật                             | : | Không   |
| Các khoản nợ đối với công ty                          | : | Không   |
| Lợi ích liên quan đối với công ty                     | : | Không   |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân                        | : | 120,277 cổ phần   |
| Số cổ phần đại diện                                   | : | Không   |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty | : | Vũ Thị Nhiệm (mẹ đẻ) nắm giữ 5327 cổ phần.                  |





## V. ORGANIZATION AND PERSONNEL (...continued)

|   |   |                                    |
|---|---|------------------------------------|
| Current position                              | : | Mem of the BOD, Chief Accountant   |
| Position held in other organizations          | : | None                               |
| Illegal conduct                               | : | None                               |
| Liabilities to the company                    | : | None                               |
| Other benefits                                | : | None                               |
| Individual shareholding                       | : | 120,277 shares                     |
| Number of shares represented                  | : | None                               |
| Related parties holding shares in the company | : | Mother: Vũ Thị Nhiệm: 5.327 shares |





## VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT:

| Họ và tên            | Chức vụ           | Ngày sinh  | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) | Ghi chú              |
|----------------------|-------------------|------------|--------------------|-----------|----------------------|
| Hoàng Thanh Hải      | Chủ tịch HĐQT     | 01/02/1964 | 2,614,181          | 27.5%     | Thành viên điều hành |
| Mai Văn Minh         | Phó chủ tịch HĐQT | 17/01/1972 | 201,394            | 2.12%     | Thành viên điều hành |
| Lê Thị Bích Huệ      | Thành viên HĐQT   | 12/06/1967 | 352,625            | 3.71%     | Thành viên độc lập   |
| Nguyễn Minh Chung    | Thành viên HĐQT   | 24/05/1986 | 100,009            | 1.05%     | Thành viên điều hành |
| Trịnh Thị Lan Phương | Thành viên HĐQT   | 21/10/1971 | 120,277            | 1.26%     | Thành viên điều hành |

### SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT:

**1. Chủ tịch HĐQT: Ông Hoàng Thanh Hải**

**2. Phó chủ tịch HĐQT: Ông Mai Văn Minh**

Đã giới thiệu trong phần Tổ chức và Nhân sự/Ban điều hành

**3. Thành viên HĐQT: Bà Lê Thị Bích Huệ**

**4. Thành viên HĐQT: Ông Nguyễn Minh Chung**

Đã giới thiệu trong phần Tổ chức và Nhân sự/Ban điều hành

**5. Thành viên HĐQT: Bà Trịnh Thị Lan Phương**

Đã giới thiệu trong phần Tổ chức và Nhân sự/Ban điều hành

## VI. CORPORATE GOVERNANCE

### MEMBERS AND STRUCTURE OF THE BOD:

| Full name            | Position                 | Day of birth | Number of shares held | (%)   | Note                 |
|----------------------|--------------------------|--------------|-----------------------|-------|----------------------|
| Hoàng Thanh Hải      | Chairman of the BOD      | 01/02/1964   | 2,614,181             | 27.5% | Executive member     |
| Mai Văn Minh         | Vice Chairman of the BOD | 17/01/1972   | 201,394               | 2.12% | Executive member     |
| Lê Thị Bích Huệ      | Mem of the BOD           | 12/06/1967   | 352,625               | 3.71% | Independent director |
| Nguyễn Minh Chung    | Mem of the BOD           | 24/05/1986   | 100,009               | 1.05% | Executive member     |
| Trịnh Thị Lan Phương | Mem of the BOD           | 21/10/1971   | 120,277               | 1.26% | Executive member     |

### PROFILES OF THE MEMBERS OF THE BOD:

**1. Chairman of the BOD: Mr.Hoàng Thanh Hải**

**2. Vice Chairman of the BOD: Mr.Mai Văn Minh**

*Already presented in the Organization and Personnel*

**3. Mem of BOD: Mrs.Lê Thị Bích Huệ**

**4. Mem of BOD: Mr.Nguyễn Minh Chung**

*Already presented in the Organization and Personnel*

**5. Mem of BOD: Mrs.Trịnh Thị Lan Phương**

*Already presented in the Organization and Personnel*

## VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY (...tiếp)



### 1. Chủ tịch HĐQT - Ông Hoàng Thanh Hải

Họ và tên : **HOÀNG THANH HẢI**  
Giới tính : Nam  
Ngày sinh : 01/02/1964  
Nơi sinh : Hoà Bình - Thủy Nguyên - Hải Phòng  
CMND : 030806809 cấp ngày 25/08/2006 tại CA Hải Phòng  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Địa chỉ thường trú : Số 65 Đường Nguyễn Đức Cảnh - Phường An Biên - Quận Lê Chân – Hải Phòng  
Chỗ ở hiện tại : Số 65 Đường Nguyễn Đức Cảnh - Phường An Biên - Quận Lê Chân – Hải Phòng  
Trình độ văn hóa : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

#### Quá trình công tác:

| Thời gian              | Đơn vị công tác                                 | Chức vụ công tác                     |
|------------------------|---|--------------------------------------|
| Từ năm 1982 - 1984     | Học tập Trường sỹ quan chính trị quân đội       | Học viên                             |
| Từ năm 1985 - 1989     | Học nghề tại trường công nhân cơ khí đóng tàu 1 | Học viên                             |
| Từ năm 1989 - 1992     | Công ty Điện cơ Hải phòng                       | Nhân viên                            |
| Từ năm 1993 - 1996     | Công ty Điện cơ Hải phòng                       | Phó phòng vật tư                     |
| Từ năm 1997 - 2000     | Công ty cổ phần Điện cơ Hải phòng               | Trưởng phòng Vật tư                  |
| Từ năm 2001- T5/2012   | Công ty cổ phần Điện cơ Hải phòng               | Phó Giám đốc, Phó CT HĐQT (năm 2004) |
| Từ T6/2012 đến T4/2018 | Công ty cổ phần Điện cơ Hải phòng               | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc     |
| T4/2018 đến nay        | Công ty cổ phần Điện cơ Hải phòng               | Chủ tịch HĐQT                        |

## VI. CORPORATE GOVERNANCE (...continued)



### 1. Chairman of the BOD - Mr. Hoàng Thanh Hải

Full name : **HOÀNG THANH HẢI**  
 Sex : Male  
 Date of birth : 01/02/1964  
 Place of birth : Hoà Bình - Thủy Nguyên - Hải Phòng  
 Identity Card No. : 031064011470 cấp ngày 18/03/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH  
 Nationality : Việt Nam  
 Nation : Kinh  
 Place of residence : Số 65 Đường Nguyễn Đức Cảnh - Phường An Biên - Quận Lê Chân – Hải Phòng  
 Cultural level : 12/12  
 Professional qualification : Bachelor of Economics

#### Employment history :

| Timeline             | Workplace   | Position   |
|----------------------|---|--|
| 1982 - 1984          | Studied at the Political Officer School of the Army     | Cadet  |
| 1985 - 1989          | Trained at Shipbuilding Mechanical Workers School No. 1 | Trainee  |
| 1989 - 1992          | Hai Phong Electrical Mechanical Company                 | Employee   |
| 1993 - 1996          | Hai Phong Electrical Mechanical Company                 | Deputy Head of the Materials Department                            |
| 1997 - 2000          | Hai Phong Electrical Mechanical JSC                     | Head of the Materials Department                                   |
| 2001 – May/2012      |   | Deputy Director, Vice Chairman of the Board of Directors (in 2004) |
| Jun/2012 to Apr/2018 |   | Chairman and General Director                                      |
| Apr/2018 to present  |   | Chairman of the BOD  |

## VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY (...tiếp)



|   |   |
|---|---|
| Chức vụ hiện nay                                      | : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng.  |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác                        | : Không   |
| Hành vi vi phạm pháp luật                             | : Không   |
| Các khoản nợ đối với công ty                          | : Không   |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác                     | : Thù lao Hội đồng quản trị   |
| Lợi ích liên quan đối với công ty                     | : Không   |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân                        | : 2.614.181 cổ phần   |
| Số cổ phần đại diện                                   | : Không   |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty | : + Nguyễn Thu Hà ( vợ ) nắm giữ 2.006.580 cổ phần.<br>+ Hoàng Tú Anh ( con gái ) nắm giữ 5.000 cổ phần<br>+ Hoàng Văn Hưng ( em trai ) nắm giữ 972 cổ phần |

### 2. Thành viên HĐQT - Bà Lê Thị Bích Huệ:

|                     |  |
|---------------------|--|
| Họ và tên           | : <b>LÊ THỊ BÍCH HUỆ</b>                                   |
| Giới tính           | : Nữ   |
| Ngày sinh           | : 12/06/1967   |
| Nơi sinh            | : Thái Thụy - Thái Bình                                    |
| CMND                | : 031167010524 cấp ngày 03/08/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH |
| Quốc tịch           | : Việt Nam   |
| Dân tộc             | : Kinh   |
| Địa chỉ thường trú  | : Số 5/55 lương Khánh Thiện – Ngô Quyền - Hải phòng        |
| Chỗ ở hiện tại      | : Số 5/55 lương Khánh Thiện – Ngô Quyền - Hải phòng        |
| Trình độ văn hóa    | : 12/12  |
| Trình độ chuyên môn | : Cử nhân kinh tế  |

| Thời gian            | Đơn vị công tác                                 | Chức vụ công tác                                      |
|----------------------|---|---|
| Từ năm 1989 - 1999   | Chi nhánh Công ty XNK Hà Nam Ninh tại Hải phòng | Cán bộ nghiệp vụ                                      |
| Từ năm 2000 - 2003   | Công ty Điện cơ Hải phòng                       | Phó phòng TCKT  |
| Từ năm 2004 đến 2012 | Công ty cổ phần Điện cơ Hải phòng               | Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng.                      |
| Năm 2012 đến T1/2016 | Công ty cổ phần Điện cơ Hải phòng               | Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. |
| T1/2016 đến T4/2022  | Công ty cổ phần Điện cơ Hải phòng               | Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc                  |
| T5/2022 đến nay      | Công ty cổ phần Điện cơ Hải phòng               | TV HĐQT   |



## VI. CORPORATE GOVERNANCE (...continued)



|   |   |
|---|---|
| Current position                              | : Chairman of the BOD                       |
| Position held in other organizations          | : None                                      |
| Illegal conduct                               | : None                                      |
| Liabilities to the company                    | : None                                      |
| Other benefits                                | : Remuneration of the BOD                   |
| Personal interests related to the company     | : None                                      |
| Individual shareholding                       | : 2.614.181 shares                          |
| Number of shares represented                  | : None                                      |
|   | : + Nguyễn Thu Hà (Wife): 2.006.580 shares. |
| Related parties holding shares in the company | + Hoàng Tú Anh (Daughter): 5.000 shares.    |
|   | + Hoàng Văn Hưng (Brother ): 972 shares.    |

### 2. Mem of the BOD - Mrs.Lê Thị Bích Huệ:

|                            |  |
|----------------------------|--|
| Full name                  | : <b>LÊ THỊ BÍCH HUỆ</b>                                   |
| Sex                        | : Female   |
| Date of birth              | : 12/06/1967   |
| Place of birth             | : Thái Thụy - Thái Bình                                    |
| Identity Card No.          | : 031167010524 cấp ngày 03/08/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH |
| Nationality                | : Việt Nam   |
| Nation                     | : Kinh   |
| Place of residence         | : Số 5/55 Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền - Hải phòng        |
| Cultural level             | : 12/12  |
| Professional qualification | : Bachelor of Economics                                    |

| Timeline             | Workplace   | Position  |
|----------------------|---|---|
| 1989 - 1999          | Hai Phong Branch of Ha Nam Ninh Import-Export Company | Professional officer                                  |
| 2000 - 2003          | Hai Phong Electrical Mechanical Compa-                | Deputy Head of Finance and Ac-                        |
| 2004 to 2012         | Hai Phong Electrical Mechanical JSC                   | Mem of the BOD, Chief Accountant                      |
| 2012 to Jan/2016     |   | Vice Chairman of the BOD, Deputy GD, Chief Accountant |
| Jan/2016 to Apr/2022 |   | Vice Chairman of the BOD, Deputy GD                   |
| May/2022 to present  |   | Mem of the BOD  |

## VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY (...tiếp)



|   |   |   |
|---|---|---|
| Chức vụ hiện nay                                      | : | TV-HĐQT Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng             |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác                        | : | Không   |
| Hành vi vi phạm pháp luật                             | : | Không   |
| Các khoản nợ đối với công ty                          | : | Không   |
| Lợi ích liên quan đối với công ty                     | : | Không   |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân                        | : | 352,625 cổ phần                                       |
| Số cổ phần đại diện                                   | : | Không   |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty | : | Nguyễn Thị Hồng Trang (con gái) nắm giữ 6000 cổ phần. |

## VI. CORPORATE GOVERNANCE (...continued)



|   |   |  |
|---|---|--|
| Current position                              | : | Mem of the BOD                                 |
| Position held in other organizations          | : | None   |
| Illegal conduct                               | : | None   |
| Liabilities to the company                    | : | None   |
| Other benefits                                | : | None   |
| Individual shareholding                       | : | 352,625 shares                                 |
| Number of shares represented                  | : | None   |
| Related parties holding shares in the company | : | Nguyễn Thị Hồng Trang (Daughter): 6000 shares. |

## VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY (...tiếp)



### BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và Cơ cấu của Ban kiểm soát

| Họ và tên      | Chức vụ                      | Ngày sinh  | Số cổ phần nắm giữ |
|----------------|------------------------------|------------|--------------------|
| Trần Tuấn Linh | Trưởng Ban kiểm soát         | 19/07/1981 | 104.000            |
| Vũ Duy Anh     | TV Ban Kiểm soát             | 22/09/1984 | 4.000              |
| Bùi Thị Huệ    | TV Ban kiểm soát, Thư ký BKS | 09/02/1981 | 500                |

### SƠ YẾU LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

#### 1. Trưởng Ban kiểm soát – Ông Trần Tuấn Linh

Họ và tên : **TRẦN TUẤN LINH**  
Giới tính : Nam  
Ngày sinh : 19/07/1981  
Nơi sinh : Hà Nội  
CCCD : 001081054431 cấp ngày 25/12/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Địa chỉ thường trú : 24/571 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng  
Chỗ ở hiện tại : 24/571 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng  
Trình độ văn hóa : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân quản trị

#### Quá trình công tác:

| Thời gian        | Đơn vị công tác                   | Chức vụ                             |
|------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|
| T4/2010-T3/2015  | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Nhân viên Phòng Kế hoạch Vật tư     |
| T4/2015 đến nay  | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính |
| T10/2019 đến nay | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Người CBTT                          |
| T3/2020 đến nay  | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Người phụ trách quản trị Công ty    |
| T1/2021 đến nay  | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Kiểm TP-Kinh doanh                  |
| T5/2022 đến nay  | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng | Trưởng Ban kiểm soát                |



**SUPERVISORY BOARD (SB)**  
Members and Structure of the Supervisory Board

| Full name      | Position                           | Date of birth | Number of Shares Held |
|----------------|------------------------------------|---------------|-----------------------|
| Trần Tuấn Linh | Head of the SB                     | 19/07/1981    | 30.000                |
| Vũ Duy Anh     | Mem of the SB                      | 22/09/1984    | 4.000                 |
| Bùi Thị Huệ    | Mem of the SB, Secretary of the SB | 09/02/1981    | 200                   |

**CURRICULUM VITAE OF SUPERVISORY BOARD MEMBERS**

**1. Head of the SB – Mr Trần Tuấn Linh**

Full name : **TRẦN TUẤN LINH**  
 Sex : Male  
 Date of birth : 19/07/1981  
 Place of birth : Hà Nội  
 Identity Card No. : 001081054431 cấp ngày 25/12/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH  
 Nationality : Việt Nam  
 Nation : Kinh  
 Place of residence : 24/571 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng  
 Cultural level : 12/12  
 Professional qualification : Bachelor of Public Administration

**Work Experience:**

| Time line           | Workplace                          | Position   |
|---------------------|------------------------------------|--|
| Apr/2010-Mar/2015   | Haiphong Electrical Mechanical JSC | Staff of the Planning and Materials Department     |
| Apr/2015 to present |                                    | Deputy Head of the Administration and Organization |
| Oct/2019 to present |                                    | Information Disclosure Of-                         |
| Mar/2020 to present |                                    | Corporate Governance Of-                           |
| May/2022 to present |                                    | ficer  |
| Dec/2022 to present |                                    | Head of the SB                                     |
|                     |                                    | Chairman of the Company Trade Union                |



## VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY (...tiếp)



|   |   |
|---|---|
| Chức vụ hiện nay                                      | : Trưởng BKS, Phó phòng TCHC kiêm TP - Kinh doanh, Người CBTT, Người Quản trị Công ty.  |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác                        | : Không   |
| Hành vi vi phạm pháp luật                             | : Không   |
| Các khoản nợ đối với công ty                          | : Không   |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác                     | : Thù lao BKS   |
| Lợi ích liên quan đối với công ty                     | : Không   |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân                        | : 0 cổ phần   |
| Số cổ phần đại diện                                   | : Không   |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty | : Mẹ đẻ: Dương Tạ Hoà Bình - 132.684 cổ phần<br>Em rể: Phan Quang Huy - 300.000 cổ phần |

### 2. Ủy viên Ban Kiểm soát – Ông Vũ Duy Anh

#### Quá trình công tác:

|                     |  |
|---------------------|--|
| Họ và tên           | : <b>VŨ DUY ANH</b>  |
| Giới tính           | : Nam  |
| Ngày sinh           | : 22/09/1984   |
| Nơi sinh            | : Thái Bình  |
| CMND                | : 034084006934 cấp ngày 28/12/2016 tại Cục CS                  |
| Quốc tịch           | : Việt Nam   |
| Dân tộc             | : Kinh   |
| Địa chỉ thường trú  | : Thôn Văn Cú, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng |
| Chỗ ở hiện tại      | : Thôn Văn Cú, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng |
| Trình độ văn hóa    | : 12/12  |
| Trình độ chuyên môn | : Kỹ sư  |

| Thời gian           | Đơn vị công tác                                   | Chức vụ                   |
|---------------------|---|---------------------------|
| Từ năm 2003 - 2005  | Học tại Trường Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật Nam Định |                           |
| Tháng 02/2006       | Làm việc tại CTCP Điện cơ Hải Phòng               | Nhân viên                 |
| Từ T11/2015-T1/2018 | Phòng KCS Công ty                                 | Phó phòng, TV BKS         |
| Từ T2/2018 đến nay  | Phòng KCS   | Trưởng phòng KCS, TV -BKS |

## VI. CORPORATE GOVERNANCE (...continued)



|   |  |
|---|--|
| Current position                              | : Head of the SB, Deputy Head of the Administration and Organization Department, Information Disclosure Officer, Corporate Governance Officer. |
| Position held in other organizations          | : None   |
| Illegal conduct                               | : None   |
| Liabilities to the company                    | : None   |
| Other benefits                                | : Remuneration of the SB   |
| Related Interests in the Company              | : None   |
| Individual shareholding                       | : 30,000 shares  |
| Number of shares represented                  | : Không  |
| Related parties holding shares in the company | : Mother: Dương Tạ Hoà Bình - 132.684 shares<br>Brother-in-law: Phan Quang Huy - 300.000 shares  |

### 2. Mem of the SB – Mr Vũ Duy Anh

#### Work Experience:

|                            |  |
|----------------------------|--|
| Full name                  | : <b>VŨ DUY ANH</b>  |
| Sex                        | : Male   |
| Date of birth              | : 22/09/1984   |
| Place of birth             | : Thái Bình  |
| Identity Card No.          | : 034084006934 cấp ngày 28/12/2016 tại Cục CS                  |
| Nationality                | : Việt Nam   |
| Nation                     | : Kinh   |
| Place of residence         | : Thôn Văn Cú, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng |
| Cultural level             | : 12/12  |
| Professional qualification | : Engineer   |

| Time line                | Workplace                               | Position  |
|--------------------------|---|---|
| At 2003 - 2005           | Nam Dinh College of Technical Education | Student   |
| Feb/2006                 | Haiphong Electrical Mechanical JSC      | Employee  |
| Nov/2015 - Jan/2018      | Quality Control Department - HAPEMCO    | Deputy Manager of the KCS Department, Mem of the SB |
| From Feb/2018 to present | Phòng KCS                               | Manager of the KCS Department , Mem of the SB       |

## VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY (...tiếp)



|   |  |
|---|--|
| Chức vụ hiện nay                                      | : Thành viên BKS, Trưởng phòng KCS Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác                        | : Không có   |
| Hành vi vi phạm pháp luật                             | : Không  |
| Các khoản nợ đối với công ty                          | : Không  |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác                     | : Thù lao BKS Công ty  |
| Lợi ích liên quan đối với công ty                     | : Không  |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân                        | : 0 cổ phần  |
| Số cổ phần đại diện                                   | : Không  |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty | : Không  |

### 3. Ủy viên Ban Kiểm soát kiêm Thư ký BKS – Bà Bùi Thị Huệ

|                     |  |
|---------------------|--|
| Họ và tên           | : <b>BÙI THỊ HUỆ</b>                   |
| Giới tính           | : Nữ                                   |
| Ngày sinh           | : 09/02/1981                           |
| Nơi sinh            | : Nam Định                             |
| CCCD                | : 036181021137                         |
| Quốc tịch           | : Việt Nam                             |
| Dân tộc             | : Kinh                                 |
| Địa chỉ thường trú  | : Thủy Triều - Thủy Nguyên - Hải Phòng |
| Chỗ ở hiện tại      | : Thủy Triều - Thủy Nguyên - Hải Phòng |
| Trình độ văn hóa    | : 12/12                                |
| Trình độ chuyên môn | : Tài chính kế toán                    |

#### Quá trình công tác:

| Thời gian        | Đơn vị công tác        | Chức vụ                                      |
|------------------|------------------------|--|
| T2/2007-T2/2012  | CTCP Điện cơ Hải Phòng | Thống kê Phân xưởng ép nhựa                  |
| T2/2012-T8/2018  | CTCP Điện cơ Hải Phòng | Thống kê Phân xưởng cơ khí                   |
| T8/2018-T10/2019 | CTCP Điện cơ Hải Phòng | Thống kê Phân xưởng cơ khí kiêm Phó quản đốc |
| T10/2019 đến nay | CTCP Điện cơ Hải Phòng | Thống kê Phân xưởng cơ khí                   |

## VI. CORPORATE GOVERNANCE (...continued)



|   |   |   |
|---|---|---|
| Current position                              | : | Manager of the KCS Department , Mem of the SB |
| Position held in other organizations          | : | None  |
| Illegal conduct                               | : | None  |
| Liabilities to the company                    | : | None  |
| Other benefits                                | : | Remuneration of the SB                        |
| Related Interests in the Company              | : | None  |
| Individual shareholding                       | : | 4.000 shares                                  |
| Number of shares represented                  | : | None  |
| Related parties holding shares in the company | : | None  |

### 3. Mem of the SB, Secretary of the SB – Mrs Bùi Thị Huệ

|                            |   |                                      |
|----------------------------|---|--------------------------------------|
| Full name                  | : | <b>BÙI THỊ HUỆ</b>                   |
| Sex                        | : | Female                               |
| Date of birth              | : | 09/02/1981                           |
| Place of birth             | : | Nam Định                             |
| Identity Card No.          | : | 036181021137                         |
| Nationality                | : | Việt Nam                             |
| Nation                     | : | Kinh                                 |
| Place of residence         | : | Thủy Triều - Thủy Nguyên - Hải Phòng |
| Cultural level             | : | 12/12                                |
| Professional qualification | : | Bachelor of Accounting               |

#### Work Experience:

| Time line           | Workplace                          | Position   |
|---------------------|------------------------------------|--|
| Feb/2007 - Feb/2012 | Haiphong Electrical Mechanical JSC | Statistician of the Plastic Molding Workshop   |
| Feb/2012 - Aug/2018 |                                    | Statistician of the Mechanical Workshop  |
| Aug/2018 - Oct/2019 |                                    | Statistician of the Mechanical Workshop Also Deputy Foreman of the Mechanical Workshop |
| Otc/2019 to present |                                    | Statistician of the Mechanical Workshop  |

## VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY (...tiếp)



|   |   |
|---|---|
| Chức vụ hiện nay                                      | : Thành viên BKS, Thống kê Phân xưởng cơ khí - CTCP Điện cơ Hải Phòng |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác                        | : Không.  |
| Hành vi vi phạm pháp luật                             | : Không   |
| Các khoản nợ đối với công ty                          | : Không   |
| Thù lao và các khoản lợi ích khác                     | : Thù lao BKS Công ty   |
| Lợi ích liên quan đối với công ty                     | : Không   |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân                        | : 500 cổ phần   |
| Số cổ phần đại diện                                   | : Không   |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty | : Không   |

**Hoạt động của Hội đồng Quản trị:** HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT.

Ngày **29/01/2024**: HĐQT Công ty đã họp bàn về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và thông qua Phương án kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Ngày **04/3/2024**: HĐQT họp bàn về ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, các nội dung cần thông qua tại Đại hội và ủy quyền cho các Ông/Bà Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục liên quan để tổ chức ĐHĐCĐTN năm 2024

Ngày **06/5/2024**: HĐQT họp bàn về việc vay vốn, cấp tín dụng tại Ngân hàng ACB – CN Hải Phòng để phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, triển khai các nội dung đã được thông qua tại ĐHĐCĐTN năm 2024. Giao cho Ban Tổng Giám đốc làm các thủ tục để chi trả cổ tức còn lại năm 2023.

Ngày **05/7/2024**: HĐQT họp bàn về kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2024, đánh giá công tác quản lý điều hành trong 6 tháng đầu năm và định hướng sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2024.

Ngày **13/09/2024**: HĐQT họp bàn về kết quả sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm, đánh giá thiệt hại sau cơn bão số 3 (bão Yagi) và chỉ đạo các công tác khắc phục thiệt hại sau bão cùng các vấn đề liên quan đến công tác quản lý điều hành công ty.

## VI. CORPORATE GOVERNANCE (...continued)



|   |   |   |
|---|---|---|
| Current position                              | : | Statistician of the Mechanical Workshop |
| Position held in other organizations          | : | None.                                   |
| Illegal conduct                               | : | None                                    |
| Liabilities to the company                    | : | None                                    |
| Other benefits                                | : | Remuneration of the SB                  |
| Related Interests in the Company              | : | None                                    |
| Individual shareholding                       | : | 200 shares                              |
| Number of shares represented                  | : | None                                    |
| Related parties holding shares in the company | : | None                                    |

**Activities of the Board of Directors:** The Board of Directors operates collectively under the leadership of the Chairman of the Board.

On **January 29th, 2024**, the Company's Board of Directors held a meeting to discuss the business performance in 2023 and approved the business production plan for 2024.

On **March 4th, 2024**, the Board of Directors held a meeting to discuss the date for the 2024 Annual General Meeting of Shareholders, the agenda items to be approved at the meeting, and authorized the CEO and Deputy CEOs to carry out the necessary procedures for organizing the 2024 Annual General Meeting of Shareholders.

On **May 6th, 2024**, the Board of Directors held a meeting to discuss borrowing and credit facilities at ACB Bank – Hai Phong Branch to support the Company's production and business activities, and to implement the items approved at the 2024 Annual General Meeting of Shareholders. The Board assigned the Executive Board to carry out the procedures for paying the remaining dividends for 2023.

On **July 5th, 2024**, the Board of Directors held a meeting to review the production and business results for the first six months of 2024, evaluate management and operational performance during this period, and set directions for production and business activities for the last six months of 2024.

On **September 13th, 2024**, the Board of Directors held a meeting to discuss the production and business results for the first nine months of the year, assess the damages caused by Storm No. 3 (Storm Yagi), and direct recovery efforts as well as address other matters related to the company's management and operations.



### **Hoạt động của Hội đồng Quản trị (tiếp theo...):**

Ngày **29/11/2024**: Họp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024, bàn về kế hoạch sản xuất năm 2025 và dự kiến chi tạm ứng 5% cổ tức năm 2024.

Ngày **03/12/2024**: Quyết định mức chi tạm ứng cổ tức năm 2024 với tỷ lệ là 5%, kiện toàn các chức danh quản lý trong công ty cùng các vấn đề khác.

*\* Ngày **26/4/2024**: CTCP Điện cơ Hải Phòng đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 tại Hội trường trụ sở Công ty.*

Năm 2024, HĐQT Công ty chỉ đạo Ban điều hành tích cực triển khai hoạt động Sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên đã thông qua, tập trung tối đa nguồn lực vào tổ chức sản xuất, lắp ráp quạt điện mang thương hiệu Phong lan, Gale: Quạt gia dụng thương hiệu Phong Lan: **40** mẫu; Quạt Công nghiệp Gale: **51** mẫu; Quạt nhập khẩu Mitsubishi: **15** mẫu; Lòng quạt các loại: hơn **15** mẫu sản phẩm.

Trong Quý 1 và Quý 2 năm 2024, Công ty tập trung tối đa nguồn lực sản xuất theo đơn hàng của khách hàng và số lượng theo định hướng của kế hoạch sản xuất năm 2024.

Nhu cầu thị trường đối với các dòng quạt điện vẫn là sản phẩm thiết yếu trong các hộ gia đình và doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu khiến nhiệt độ tăng cao, dẫn đến nhu cầu sử dụng quạt điện duy trì ở mức cao.

Cạnh tranh gay gắt: Sự tham gia của nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước vào thị trường quạt điện đã tạo ra áp lực cạnh tranh lớn, đòi hỏi các công ty phải liên tục cải tiến sản phẩm và dịch vụ nhất là khi giá quạt điện trên thị trường vẫn phải cạnh tranh với hàng nhập khẩu giá rẻ từ Trung Quốc, Thái Lan... Chi phí sản xuất tăng: Giá nguyên vật liệu và chi phí nhân công gia tăng đã ảnh hưởng đến lợi nhuận của các doanh nghiệp trong ngành.

Lực lượng lao động mỏng: ngành quạt điện và sản xuất cơ khí nói chung cần lao động có kỹ năng vận hành máy móc, lắp ráp và kiểm định chất lượng... Tuy nhiên, ngày càng nhiều người lao động, đặc biệt là lao động trẻ, chuyển sang làm việc trong ngành dịch vụ như thương mại điện tử, logistics, du lịch, hoặc các công việc văn phòng với môi trường làm việc thoải mái hơn. Việc tuyển dụng lao động có tay nghề ngày càng khó khăn, dẫn đến nguy cơ giảm năng suất và chất lượng sản phẩm.



### **Activities of the Board of Directors (continued...):**

On **November 29th, 2024**: Meeting to evaluate the business performance in 2024, discuss the production plan for 2025, and propose a 5% interim dividend payment for 2024.

On **December 3rd, 2024**: Decision on the 5% interim dividend payment for 2024, restructuring of management positions within the company, and other matters.

*\* On **April 26th, 2024**, Hai Phong Electrical Mechanical Joint Stock Company successfully held the 2024 Annual General Meeting of Shareholders at the Company's headquarters conference hall.*

In 2024, the Company's Board of Directors directed the Executive Board to actively implement production and business activities according to the resolutions approved at the Annual General Meeting of Shareholders. The focus was on maximizing resources for the production and assembly of electric fans under the "Phong Lan" and "Gale" brands: Phong Lan household fans: **40** models; Gale industrial fans: **51** models; Imported Mitsubishi fans: **15** models; Various fan cages: more than **15** product models.

In the first and second quarters of 2024, the Company maximized resources to produce according to customer orders and quantities aligned with the production plan for 2024. The market demand for electric fans remains essential for households and businesses, especially in the context of climate change causing rising temperatures, which leads to a sustained high demand for electric fans.

**Intense competition:** The participation of many domestic and foreign companies in the electric fan market has created significant competitive pressure, requiring companies to continuously improve their products and services—especially as fan prices on the market must compete with cheap imports from China, Thailand, and others.  
**Rising production costs:** Increases in raw material prices and labor costs have impacted the profitability of businesses in the industry.

**Thin labor force:** The electric fan and mechanical manufacturing industries generally require skilled workers for machine operation, assembly, and quality inspection. However, an increasing number of workers, especially young laborers, are shifting to the service sector, such as e-commerce, logistics, tourism, or office jobs with more comfortable working environments. This growing difficulty in recruiting skilled labor poses risks of reduced productivity and product quality.



## VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY (...tiếp)



**Hoạt động của Hội đồng Quản trị (tiếp theo...):**

### **KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024**

| Nhóm hàng hoá           | Kế hoạch 2024 |                        | Thực hiện 2024 |                        | Thực hiện so với kh |
|-------------------------|---------------|------------------------|----------------|------------------------|---------------------|
|                         | Số lượng      | Doanh thu (đ)          | Số lượng       | Doanh thu (đ)          |                     |
| Quạt dân dụng Phong lan | 210.000       | 82.900.000.000         | 143.878        | 57.067.935.766         | 68,51%              |
| Quạt công nghiệp Gale   | 40.000        | 37.600.000.000         | 30.783         | 29.000.250.198         | 76,96%              |
| Quạt Mitsubishi         | 68.000        | 103.600.000.000        | 54.346         | 84.828.295.035         | 79,92%              |
| Lồng quạt               | 500.000       | 31.900.000.000         | 423.007        | 26.676.168.523         | 84,60%              |
| Vật tư và BTP khác      |               | 26.000.000.000         |                | 41.362.579.933         | 159 %               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>        |               | <b>282.000.000.000</b> |                | <b>238.935.229.455</b> | <b>84,73%</b>       |

Cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của Công ty trên các phương tiện truyền thông. Trong đó kênh thông tin chủ yếu là website của Công ty: [www.hapemco.vn](http://www.hapemco.vn). Tiếp nhận và phản hồi những thắc mắc, yêu cầu thông tin của các nhà đầu tư quan tâm đến DHP, đồng thời là kết nối các nhà đầu tư và HĐQT, Ban TGD Công ty. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.

Không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

## VI. CORPORATE GOVERNANCE (...continued)



### Activities of the Board of Directors (continued...):

#### PRODUCTION AND BUSINESS PLAN AND RESULTS FOR 2024

| Product Group                           | 2024 Plan |                        | 2024 Results |                        | Comple-<br>tion |
|---|-----------|------------------------|--------------|------------------------|-----------------|
|   | Quantity  | Revenue (đ)            | Quantity     | Revenue (đ)            |                 |
| Phong Lan Household Fans                | 210.000   | 82.900.000.000         | 143.878      | 57.067.935.766         | 68,51%          |
| Gale Industrial Fans                    | 40.000    | 37.600.000.000         | 30.783       | 29.000.250.198         | 76,96%          |
| Mitsubishi Fans                         | 68.000    | 103.600.000.000        | 54.346       | 84.828.295.035         | 79,92%          |
| Various fan cages                       | 500.000   | 31.900.000.000         | 423.007      | 26.676.168.523         | 84,60%          |
| Materials, components,<br>processing... |           | 26.000.000.000         |              | 41.362.579.933         | 159 %           |
| <b>TOTAL</b>                            |           | <b>282.000.000.000</b> |              | <b>238.935.229.455</b> | <b>84,73%</b>   |

Providing information about the Company's operations through media channels, primarily via the Company's website: [www.hapemco.vn](http://www.hapemco.vn). Receiving and responding to inquiries and information requests from investors interested in DHP, while also facilitating communication between investors and the Board of Directors and the Executive Board of the Company. Organizing the 2023 Annual General Meeting of Shareholders in accordance with legal regulations and the Company's Charter.

No subcommittees under the Board of Directors were established.

## VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY (...tiếp)



### **Hoạt động của Hội đồng Quản trị (tiếp theo...):**

**Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:** Trong năm 2024, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành **05** văn bản, trong đó có **04** Nghị quyết, **01** Quyết định để quản lý các hoạt động của Công ty.

| STT | Số văn bản      | Ngày       | Nội dung   |
|-----|-----------------|------------|--|
| 1   | 01/2024/NQ-HĐQT | 29-01-2024 | Nghị quyết thông qua kế hoạch sản xuất   |
| 2   | 02/2024/NQ-HĐQT | 04-3-2024  | Nghị quyết thông qua kế hoạch về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. |
| 3   | 13/2024/DHP/NQ- | 26-4-2024  | Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024.   |
| 4   | 01/2024/QĐ-TGĐ  | 19-6-2024  | Quyết định về việc chi cổ tức còn lại năm  |
| 5   | 14/2024/NQ-HĐQT | 03-12-2024 | Nghị quyết về việc chi tạm ứng cổ tức năm  |

**Activities of the Board of Directors (continued...):****Resolutions of the Board of Directors:**

In 2024, the Board of Directors and the Executive Board of the Company issued a total of **5** documents, including **4** Resolutions and **1** Decision, to manage the Company's operations.

| No. | Document Number      | Date       | Content   |
|-----|----------------------|------------|---|
| 1   | 01/2024/NQ-HĐQT      | 29-01-2024 | Resolution approving the 2024 business and production plan.                                   |
| 2   | 02/2024/NQ-HĐQT      | 04-3-2024  | Resolution approving the plan for organizing the 2024 Annual General Meeting of Shareholders. |
| 3   | 13/2024/DHP/NQ-DHĐCĐ | 26-4-2024  | Resolution of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders.                                |
| 4   | 01/2024/QĐ-TGĐ       | 19-6-2024  | Decision on the remaining 2023 dividend payout in cash.                                       |
| 5   | 14/2024/NQ-HĐQT      | 03-12-2024 | Resolution on the 2024 interim dividend payout at a rate of 5%.                               |

## VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



**Hoạt động sản xuất kinh doanh chính.** Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại quạt điện bao gồm quạt dân dụng, quạt công nghiệp, quạt nhập khẩu và cung cấp các linh kiện cơ khí cho các Công ty sản xuất quạt điện trong nước.

**Hoạt động sản xuất quạt điện:** Bao gồm 2 dòng sản phẩm chính là quạt dân dụng và quạt công nghiệp, trong đó sản phẩm truyền thống là quạt “Phong Lan” với 40 mẫu đã có thương hiệu và vị thế trên thị trường tiêu thụ chính là thành phố Hải Phòng và các khu vực miền Bắc. Dòng sản phẩm quạt công nghiệp đã được đăng ký bảo hộ nhãn hiệu mang thương hiệu “Gale” - 51 mẫu đã và đang có chỗ đứng vững chắc trên thị trường cả nước.

**Hoạt động kinh doanh nhập khẩu:** Công ty cũng tiến hành phân phối trực tiếp các dòng sản phẩm quạt điện cao cấp của Nhật Bản (hơn 15 mẫu sản phẩm) mang thương hiệu Mitsubishi để phân phối tại Việt Nam từ Đà Nẵng trở ra. Trong các năm hậu Covid-19, sức mua của thị trường giảm, ảnh hưởng trực tiếp tới việc sản xuất hàng xuất khẩu của công ty. HĐQT yêu cầu Ban TGD tích cực tìm các giải pháp kích cầu tiêu thụ nội địa, tìm kiếm và mở rộng thị trường, tìm khách hàng mới, xây dựng kịp thời các gói sản phẩm để kích cầu đối với các Nhà phân phối và Đại lý của Công ty

**Hoạt động sản xuất linh kiện:** bao gồm lồng quạt, linh kiện nhựa, vật tư bán thành phẩm để cung cấp cho các đơn vị sản xuất quạt điện trong nước.

**Hoạt động chính mang lại lợi nhuận:**

- Hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại lợi nhuận chính cho DHP vẫn là những sản phẩm quạt truyền thống mang thương hiệu “Phong Lan” và “GALE” đồng thời là những hoạt động sản xuất linh kiện, bán thành phẩm cho các Công ty sản xuất trong nước.
- Khách hàng chính của DHP về mảng linh kiện này là những nhà sản xuất có thương hiệu và thị phần tốt như Điện cơ Thống Nhất (Vinawind), Công ty Hà Nội Chinghai Electric, Công ty TNHH MTV Quang điện điện tử Bộ quốc phòng... do đó nhu cầu tiêu thụ khá cao và có khả năng đảm bảo về khả năng thanh toán.
- DHP cũng là một trong số ít các doanh nghiệp thực hiện gia công linh kiện cho các nhà máy quạt điện nội địa, do đó hoạt động này có mức biên lợi nhuận rất tốt so với biên gộp của hoạt động sản xuất quạt điện.

## VII. PRODUCTION AND BUSINESS ACTIVITIES



**Main Production and Business Activities:** The Company's core operations involve the production and trading of various types of electric fans, including household fans, industrial fans, imported fans, and the supply of mechanical components to domestic electric fan manufacturers.

**Electric Fan Production Activities:** This includes two main product lines—household fans and industrial fans. The traditional product line is the “Phong Lan” fan, with 40 models that have an established brand and market position, primarily in Hai Phong City and northern regions. The industrial fan line, branded “Gale” with 51 registered models, has gained a strong foothold in the nationwide market.

**Business Activities for Imported Products:** The Company also directly distributes high-end electric fan models from Japan (over 15 models) under the Mitsubishi brand for the Vietnamese market, specifically from Da Nang northward. In the post-COVID-19 years and amid the broader impact of the global economy due to war and trade conflicts, market purchasing power has declined, directly affecting the Company’s export production activities. . The Board of Directors has instructed the Executive Board to actively seek solutions to stimulate domestic demand, search for and expand markets, find new customers, and promptly develop product packages to boost demand among the Company’s Distributors and Agents.

**Manufacturing activities of components:** including fan cages, plastic parts, and semi-finished materials supplied to domestic electric fan manufacturers.

**Main profit-generating activities:**

- The main profit-generating business activities for DHP remain the traditional fan products under the “Phong Lan” and “GALE” brands. At the same time, these activities also include the manufacturing of components and semi-finished products supplied to domestic manufacturing companies.
- DHP’s main customers in the component segment are reputable manufacturers with strong market shares, such as Thong Nhat Electric (Vinawind), Hanoi Chinghai Electric Company, and Quang Electronic Electric Co., Ltd. under the Ministry of Defense. Therefore, the demand for consumption is quite high, and they have good payment capabilities.
- DHP is also one of the few companies that perform component processing for domestic electric fan manufacturers. Therefore, this activity has a very good profit margin compared to the gross margin of electric fan production.

## VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (...tiếp)



**A. Các khoản đầu tư lớn:** Hợp tác liên doanh để tiếp tục khai thác-cho thuê văn phòng tại tòa nhà văn phòng số 20 Đinh Tiên Hoàng-Hồng Bàng-Hải Phòng.

**B. Công ty con, Công ty liên kết:** Không.

**C. Tình hình tài chính:**

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                  | <b>100</b> |             | <b>133.383.898.878</b> | <b>145.572.234.467</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>4</b>    | <b>12.360.154.682</b>  | <b>5.478.280.430</b>   |
| 1. Tiền                                      | 111        |             | 2.360.154.682          | 2.178.280.430          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |             | 10.000.000.000         | 3.300.000.000          |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b> | <b>5</b>    | <b>2.000.000.000</b>   | <b>12.000.000.000</b>  |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 123        |             | 2.000.000.000          | 12.000.000.000         |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |             | <b>9.758.700.349</b>   | <b>8.159.895.182</b>   |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 6           | 6.720.507.634          | 6.043.619.610          |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        | 7           | 1.993.394.256          | 1.006.863.215          |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 8           | 1.541.215.867          | 1.569.873.085          |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        | 9           | (496.417.408)          | (460.460.728)          |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> | <b>10</b>   | <b>108.902.943.341</b> | <b>119.673.388.568</b> |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |             | 108.902.943.341        | 119.673.388.568        |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |             | <b>362.100.506</b>     | <b>260.670.287</b>     |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        | 11          | 155.712.279            | 260.670.287            |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   | 152        |             | 206.388.227            | -                      |
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                   | <b>200</b> |             | <b>61.027.029.769</b>  | <b>66.398.455.377</b>  |
| <b>I. Tài sản cố định</b>                    | <b>220</b> |             | <b>40.104.018.542</b>  | <b>44.862.685.012</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | 12          | 40.104.018.542         | 44.862.685.012         |
| - Nguyên giá                                 | 222        |             | 112.670.196.007        | 112.038.870.418        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223        |             | (72.566.177.465)       | (67.176.185.406)       |
| 2. Tài sản cố định vô hình                   | 227        | 13          | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                 | 228        |             | 120.000.000            | 120.000.000            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 229        |             | (120.000.000)          | (120.000.000)          |
| <b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>           | <b>240</b> |             | <b>-</b>               | <b>207.105.938</b>     |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 242        |             | -                      | 207.105.938            |
| <b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>         | <b>250</b> | <b>5</b>    | <b>20.039.000.000</b>  | <b>20.039.000.000</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết   | 252        |             | 20.039.000.000         | 20.039.000.000         |
| <b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>              | <b>260</b> |             | <b>884.011.227</b>     | <b>1.289.664.427</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        | 11          | 884.011.227            | 1.289.664.427          |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>   | <b>270</b> |             | <b>194.410.928.647</b> | <b>211.970.689.844</b> |



## VII. PRODUCTION AND BUSINESS ACTIVITIES (...continued)



**A. Major investments:** Joint ventures to continue exploiting and leasing office space at the office building located at 20 Dinh Tien Hoang, Hong Bang, Hai Phong.

**B. Subsidiaries and affiliated companies:** None

**C. Financial situation:**

### BALANCE SHEET As at 31th December 2024

Unit: VND

| ASSETS  | Codes      | Notes     | Closing balance        | Opening balance        |
|---|------------|-----------|------------------------|------------------------|
| <b>A - CURRENT ASSETS</b>                       | <b>100</b> |           | <b>133,383,898,878</b> | <b>145,572,234,467</b> |
| <b>I. Cash and cash equivalents</b>             | <b>110</b> | <b>4</b>  | <b>12,360,154,682</b>  | <b>5,478,280,430</b>   |
| 1. Cash   | 111        |           | 2,360,154,682          | 2,178,280,430          |
| 2. Cash equivalents                             | 112        |           | 10,000,000,000         | 3,300,000,000          |
| <b>II. Short-term financial investments</b>     | <b>120</b> | <b>5</b>  | <b>2,000,000,000</b>   | <b>12,000,000,000</b>  |
| 1. Held-to-maturity investments                 | 123        |           | 2,000,000,000          | 12,000,000,000         |
| <b>III. Short-term receivables</b>              | <b>130</b> |           | <b>9,758,700,349</b>   | <b>8,159,895,182</b>   |
| 1. Short-term trade receivables                 | 131        | 6         | 6,720,507,634          | 6,043,619,610          |
| 2. Short-term advances to suppliers             | 132        | 7         | 1,993,394,256          | 1,006,863,215          |
| 3. Other short-term receivables                 | 136        | 8         | 1,541,215,867          | 1,569,873,085          |
| 4. Provision for short-term doubtful debts      | 137        | 9         | (496,417,408)          | (460,460,728)          |
| <b>IV. Inventories</b>                          | <b>140</b> | <b>10</b> | <b>108,902,943,341</b> | <b>119,673,388,568</b> |
| 1. Inventories                                  | 141        |           | 108,902,943,341        | 119,673,388,568        |
| <b>V. Other short-term assets</b>               | <b>150</b> |           | <b>362,100,506</b>     | <b>260,670,287</b>     |
| 1. Short-term prepayments                       | 151        | 11        | 155,712,279            | 260,670,287            |
| 2. Value added tax deductibles                  | 152        |           | 206,388,227            | -                      |
| <b>B - NON-CURRENT ASSETS</b>                   | <b>200</b> |           | <b>61,027,029,769</b>  | <b>66,398,455,377</b>  |
| <b>I. Fixed assets</b>                          | <b>220</b> |           | <b>40,104,018,542</b>  | <b>44,862,685,012</b>  |
| 1. Tangible fixed assets                        | 221        | 12        | 40,104,018,542         | 44,862,685,012         |
| - Cost  | 222        |           | 112,670,196,007        | 112,038,870,418        |
| - Accumulated depreciation                      | 223        |           | (72,566,177,465)       | (67,176,185,406)       |
| 2. Intangible fixed assets                      | 227        | 13        | -                      | -                      |
| - Cost  | 228        |           | 120,000,000            | 120,000,000            |
| - Accumulated amortisation                      | 229        |           | (120,000,000)          | (120,000,000)          |
| <b>II. Long-term assets in progress</b>         | <b>240</b> |           | <b>-</b>               | <b>207,105,938</b>     |
| 1. Long-term construction in progress           | 242        |           | -                      | 207,105,938            |
| <b>III. Long-term financial investments</b>     | <b>250</b> | <b>5</b>  | <b>20,039,000,000</b>  | <b>20,039,000,000</b>  |
| 1. Investments in joint ventures and associates | 252        |           | 20,039,000,000         | 20,039,000,000         |
| <b>IV. Other long-term assets</b>               | <b>260</b> |           | <b>884,011,227</b>     | <b>1,289,664,427</b>   |
| 1. Long-term prepayments                        | 261        | 11        | 884,011,227            | 1,289,664,427          |
| <b>TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)</b>           | <b>270</b> |           | <b>194,410,928,647</b> | <b>211,970,689,844</b> |



## VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (...tiếp)



### C. Tình hình tài chính: (tiếp theo)

Đơn vị: VND

#### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                          | <b>300</b> |             | <b>20.000.729.018</b>  | <b>40.695.441.822</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                           | <b>310</b> |             | <b>20.000.729.018</b>  | <b>40.695.441.822</b>  |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                  | 311        | 14          | 5.505.885.096          | 6.857.996.052          |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn            | 312        | 15          | 639.899.427            | 2.015.909.863          |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước          | 313        | 16          | 1.105.874.460          | 1.829.135.518          |
| 4. Phải trả người lao động                      | 314        |             | 4.011.858.548          | 4.079.416.816          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                    | 315        | 17          | 343.035.162            | 392.842.439            |
| 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn            | 320        | 18          | 3.873.635.391          | 21.376.131.433         |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                    | 322        |             | 4.520.540.934          | 4.144.009.701          |
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                       | <b>400</b> |             | <b>174.410.199.629</b> | <b>171.275.248.022</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | <b>19</b>   | <b>174.410.199.629</b> | <b>171.275.248.022</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 94.922.000.000         | 94.922.000.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 94.922.000.000         | 94.922.000.000         |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | 13.874.610.335         | 12.666.244.168         |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối            | 421        |             | 65.613.589.294         | 63.687.003.854         |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | 52.408.875.072         | 50.930.369.695         |
| - LNST chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | 13.204.714.222         | 12.756.634.159         |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>    | <b>440</b> |             | <b>194.410.928.647</b> | <b>211.970.689.844</b> |

## VII. PRODUCTION AND BUSINESS ACTIVITIES (...continued)



### C. Financial situation: (...continued)

Unit: VND

#### BALANCE SHEET (...continued)

| RESOURCES  | Codes      | Notes     | Closing balance        | Opening balance        |
|--|------------|-----------|------------------------|------------------------|
| <b>C - LIABILITIES</b>                                   | <b>300</b> |           | <b>20,000,729,018</b>  | <b>40,695,441,822</b>  |
| <b>I. Current liabilities</b>                            | <b>310</b> |           | <b>20,000,729,018</b>  | <b>40,695,441,822</b>  |
| 1. Short-term trade payables                             | 311        | 14        | 5,505,885,096          | 6,857,996,052          |
| 2. Short-term advances from customers                    | 312        | 15        | 639,899,427            | 2,015,909,863          |
| 3. Taxes and amounts payable to the State budget         | 313        | 16        | 1,105,874,460          | 1,829,135,518          |
| 4. Payables to employees                                 | 314        |           | 4,011,858,548          | 4,079,416,816          |
| 5. Short-term accrued expenses                           | 315        | 17        | 343,035,162            | 392,842,439            |
| 6. Short-term loans and obligations under finance leases | 320        | 18        | 3,873,635,391          | 21,376,131,433         |
| 7. Bonus and welfare funds                               | 322        |           | 4,520,540,934          | 4,144,009,701          |
| <b>D - EQUITY</b>  | <b>400</b> |           | <b>174,410,199,629</b> | <b>171,275,248,022</b> |
| <b>I. Owner's equity</b>                                 | <b>410</b> | <b>19</b> | <b>174,410,199,629</b> | <b>171,275,248,022</b> |
| 1. Owner's contributed capital                           | 411        |           | 94,922,000,000         | 94,922,000,000         |
| - Ordinary shares carrying voting rights                 | 411a       |           | 94,922,000,000         | 94,922,000,000         |
| 2. Investment and development fund                       | 418        |           | 13,874,610,335         | 12,666,244,168         |
| 3. Retained earnings                                     | 421        |           | 65,613,589,294         | 63,687,003,854         |
| - Retained earnings accumulated to the prior year end    | 421a       |           | 52,408,875,072         | 50,930,369,695         |
| - Retained earnings of the current year                  | 421b       |           | 13,204,714,222         | 12,756,634,159         |
| <b>TOTAL RESOURCES (440 = 300 + 400)</b>                 | <b>440</b> |           | <b>194,410,928,647</b> | <b>211,970,689,844</b> |

## VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (...tiếp)



### C. Tình hình tài chính: (tiếp theo)

#### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước              |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>01</b> |             | <b>238.935.229.455</b> | <b>230.021.128.555</b> |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu  | 02        |             | 1.152.752.408          | 1.091.157.161          |
| <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ<br/>(10 = 01 - 02)</b>             | <b>10</b> | <b>21</b>   | <b>237.782.477.047</b> | <b>228.929.971.394</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp  | 11        | 22          | 202.716.554.156        | 192.119.631.433        |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ<br/>(20 = 10 - 11)</b>               | <b>20</b> |             | <b>35.065.922.891</b>  | <b>36.810.339.961</b>  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính   | 21        | 24          | 2.896.665.214          | 3.358.383.492          |
| 7. Chi phí tài chính   | 22        | 25          | 5.016.695.367          | 5.184.564.511          |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay  | 23        |             | 162.301.300            | 1.759.612.067          |
| 8. Chi phí bán hàng  | 25        | 26          | 4.045.614.824          | 4.602.355.803          |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp  | 26        | 26          | 14.391.893.603         | 14.901.481.321         |
| <b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh<br/>{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b> | <b>30</b> |             | <b>14.508.384.311</b>  | <b>15.480.321.818</b>  |
| 11. Thu nhập khác  | 31        | 27          | 1.697.575.935          | 215.497.282            |
| 12. Chi phí khác   | 32        |             | 67.469                 | 26.401                 |
| <b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>   | <b>40</b> |             | <b>1.697.508.466</b>   | <b>215.470.881</b>     |
| <b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế<br/>(50 = 30 + 40)</b>                          | <b>50</b> |             | <b>16.205.892.777</b>  | <b>15.695.792.699</b>  |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành  | 51        | 28          | 3.001.178.555          | 2.939.158.540          |
| <b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp<br/>(60 = 50 - 51)</b>                   | <b>60</b> |             | <b>13.204.714.222</b>  | <b>12.756.634.159</b>  |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu   | 70        | 29          | 1.391                  | 1.290                  |

## VII. PRODUCTION AND BUSINESS ACTIVITIES (...continued)



### C. Financial situation: (...continued)

#### INCOME STATEMENT

For the year ended 31th December 2024

Unit: VND

| ITEMS  | Codes     | Notes     | Current year           | Prior year             |
|--|-----------|-----------|------------------------|------------------------|
| <b>1. Gross revenue from goods sold and services rendered</b>                  | <b>01</b> |           | <b>238,935,229,455</b> | <b>230,021,128,555</b> |
| 2. Revenue deductions  | 02        |           | 1,152,752,408          | 1,091,157,161          |
| <b>3. Net revenue from goods sold and services rendered</b><br>(10 = 01 - 02)  | <b>10</b> | <b>21</b> | <b>237,782,477,047</b> | <b>228,929,971,394</b> |
| 4. Cost of sales   | 11        | 22        | 202,716,554,156        | 192,119,631,433        |
| <b>5. Gross profit from goods sold and services rendered</b><br>(20 = 10 - 11) | <b>20</b> |           | <b>35,065,922,891</b>  | <b>36,810,339,961</b>  |
| 6. Financial income  | 21        | 24        | 2,896,665,214          | 3,358,383,492          |
| 7. Financial expenses  | 22        | 25        | 5,016,695,367          | 5,184,564,511          |
| - In which: Interest expense   | 23        |           | 162,301,300            | 1,759,612,067          |
| 8. Selling expenses  | 25        | 26        | 4,045,614,824          | 4,602,355,803          |
| 9. General and administration expenses   | 26        | 26        | 14,391,893,603         | 14,901,481,321         |
| <b>10. Operating profit</b><br>(30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))               | <b>30</b> |           | <b>14,508,384,311</b>  | <b>15,480,321,818</b>  |
| 11. Other income   | 31        | 27        | 1,697,575,935          | 215,497,282            |
| 12. Other expenses   | 32        |           | 67,469                 | 26,401                 |
| <b>13. Profit from other activities (40 = 31 - 32)</b>                         | <b>40</b> |           | <b>1,697,508,466</b>   | <b>215,470,881</b>     |
| <b>14. Accounting profit before tax</b><br>(50 = 30 + 40)                      | <b>50</b> |           | <b>16,205,892,777</b>  | <b>15,695,792,699</b>  |
| 15. Current corporate income tax expense                                       | 51        | 28        | 3,001,178,555          | 2,939,158,540          |
| <b>16. Net profit after corporate income tax</b><br>(60 = 50 - 51)             | <b>60</b> |           | <b>13,204,714,222</b>  | <b>12,756,634,159</b>  |
| 17. Basic earnings per share   | 70        | 29        | 1,391                  | 1,290                  |

## VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (...tiếp)



### C. Tình hình tài chính: (tiếp theo)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Năm nay                 | Năm trước               |
|---|-----------|-------------------------|-------------------------|
| <b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                |           |                         |                         |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác     | 01        | 237.301.808.755         | 241.521.646.256         |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ          | 02        | (183.051.295.407)       | (203.415.109.204)       |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động                              | 03        | (18.897.280.613)        | (22.195.153.828)        |
| 4. Tiền lãi vay đã trả  | 04        | (194.317.130)           | (1.754.699.118)         |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                            | 05        | (3.339.158.539)         | (2.273.190.990)         |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                        | 06        | 1.264.356.700           | 2.989.800.401           |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                       | 07        | (10.772.223.005)        | (7.463.147.999)         |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>            | <i>20</i> | <i>22.311.890.761</i>   | <i>7.410.145.518</i>    |
| <b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                   |           |                         |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác          | 21        | (543.669.400)           | (2.483.441.992)         |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác       | 22        | 50.700.000              | 78.181.819              |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác         | 23        | (7.000.000.000)         | (15.100.000.000)        |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24        | 17.000.000.000          | 14.100.000.000          |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia          | 27        | 2.059.991.622           | 1.824.644.567           |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>                | <i>30</i> | <i>11.567.022.222</i>   | <i>(1.580.615.606)</i>  |
| <b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>               |           |                         |                         |
| 1. Tiền thu từ đi vay   | 33        | 30.214.686.553          | 132.625.724.629         |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay  | 34        | (47.717.182.395)        | (140.464.705.564)       |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                      | 36        | (9.492.200.000)         | (9.492.200.000)         |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>             | <i>40</i> | <i>(26.994.696.042)</i> | <i>(17.331.180.935)</i> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>      | <b>50</b> | <b>6.884.216.941</b>    | <b>(11.501.651.023)</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                         | <b>60</b> | <b>5.478.280.430</b>    | <b>16.983.358.787</b>   |
| <b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>  | <b>61</b> | <b>(2.342.689)</b>      | <b>(3.427.334)</b>      |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>    | <b>70</b> | <b>12.360.154.682</b>   | <b>5.478.280.430</b>    |

## VII. PRODUCTION AND BUSINESS ACTIVITIES (...continued)



### C. Financial situation: (...continued)

#### CASH FLOW STATEMENT

(Indirect method)

For the year ended 31 December 2024

Unit: VND

| ITEMS   | Codes | Current year      | Prior year        |
|---|-------|-------------------|-------------------|
| <b>I. Cash flows from operating activities</b>                              |       |                   |                   |
| 1. Proceeds from sales, services rendered and other revenue                 | 01    | 237,301,808,755   | 241,521,646,256   |
| 2. Payments to suppliers  | 02    | (183,051,295,407) | (203,415,109,204) |
| 3. Payments to employees  | 03    | (18,897,280,613)  | (22,195,153,828)  |
| 4. Interest paid  | 04    | (194,317,130)     | (1,754,699,118)   |
| 5. Corporate income tax paid  | 05    | (3,339,158,539)   | (2,273,190,990)   |
| 6. Other cash inflows   | 06    | 1,264,356,700     | 2,989,800,401     |
| 7. Other cash outflows  | 07    | (10,772,223,005)  | (7,463,147,999)   |
| <i>Cash flow generated from (used in) operating activity</i>                | 20    | 22,311,890,761    | 7,410,145,518     |
| <b>II. Cash flow generated from (used in) investing activity</b>            |       |                   |                   |
| 1. Acquisition and construction of fixed assets and other long-term assets  | 21    | (543,669,400)     | (2,483,441,992)   |
| 2. Proceeds from sale, disposal of fixed assets and other long-term assets  | 22    | 50,700,000        | 78,181,819        |
| 3. Cash outflow for lending, buying debt instruments of other entities      | 23    | (7,000,000,000)   | (15,100,000,000)  |
| 4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities  | 24    | 17,000,000,000    | 14,100,000,000    |
| 5. Interest earned, dividends and profits received                          | 27    | 2,059,991,622     | 1,824,644,567     |
| <i>Net cash flow generated from (used in) investing activity</i>            | 30    | 11,567,022,222    | (1,580,615,606)   |
| <b>III. Cash flows from financing activities</b>                            |       |                   |                   |
| 1. Proceeds from borrowings   | 33    | 30,214,686,553    | 132,625,724,629   |
| 2. Repayment of borrowings  | 34    | (47,717,182,595)  | (140,464,705,564) |
| 3. Dividends and profits paid   | 36    | (9,492,200,000)   | (9,492,200,000)   |
| <i>Net cash generated by/(used in) financing activities</i>                 | 40    | (26,994,696,042)  | (17,331,180,935)  |
| <b>Net increase/(decrease) in cash (50 = 20 + 30 + 40)</b>                  | 50    | 6,884,216,941     | (11,501,651,023)  |
| <b>Cash and cash equivalents at the beginning of the year</b>               | 60    | 5,478,280,430     | 16,983,358,787    |
| Effects of changes in foreign exchange rates                                | 61    | (2,342,689)       | (3,427,334)       |
| <b>Cash and cash equivalents at the end of the year (70 = 50 + 60 + 61)</b> | 70    | 12,360,154,682    | 5,478,280,430     |



## VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (...tiếp)

### **D. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư sở hữu:**

**Cổ phần:** Thành viên HĐQT không thực hiện giao dịch trong năm 2024.

### **E. Đánh giá của Ban Tổng giám đốc:**

- Doanh thu bán hàng năm 2024, CTCP Điện cơ Hải Phòng đạt 238,935 tỉ đồng, tăng 4,4% so với năm 2023.
- Doanh thu năm 2024 không đạt do sản lượng tiêu thụ các nhóm quạt thành phẩm Phong lan, Gale và quạt Mitsubishi giảm so với kế hoạch đề ra.
- Các nhóm hàng cốt lõi như: Quạt điện Phong lan, Gale đều bị sụt giảm sản lượng tiêu thụ. Thị trường xuất khẩu quạt gia dụng tiếp tục gặp nhiều khó khăn do nền kinh tế một số nước tiêu thụ sản phẩm của chúng ta chưa thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, bên cạnh đó các nhà cung cấp ở Trung Quốc gặp khó khăn về thị trường đầu ra nên chào giá xuất khẩu cạnh tranh hơn rất nhiều so với giá sản xuất tại Việt nam.
- Giá cả vật tư phục vụ sản xuất ngành quạt tăng, đặc biệt là dây đồng và nhôm (nguyên liệu chiếm tỉ trọng cao trong giá thành quạt) do ảnh hưởng của chiến tranh, cấm vận và chiến tranh thương mại. Chi phí sản xuất đầu vào tăng. Giá bán các sản phẩm Phong lan, Gale không có cơ hội giảm mà còn phải giữ giá và thực hiện các chương trình khuyến mại, chiết khấu sâu để thúc đẩy tiêu thụ do sức ép cạnh tranh, giảm giá của các đối thủ khác.
- Sản lượng quạt Phong lan: Nhu cầu thị trường lớn, có tiềm năng tăng mở rộng thị phần. Tuy nhiên, nguồn cung linh kiện giá rẻ trên thị trường khá dồi dào, các cơ sở tư nhân dễ dàng mua và lắp ráp các sản phẩm cạnh tranh với giá rẻ hơn. Ngoài ra một số sản phẩm có thương hiệu khác liên tục mở rộng thị phần bằng chiến lược giá rẻ, ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ của quạt P: phong lan trong những năm gần đây.
- Để theo đuổi mục tiêu tăng trưởng, chúng ta vẫn phải tiếp tục tối ưu hoá sản xuất để hạ giá thành sản phẩm, tạo nhiều việc làm và thu nhập đều quanh năm cho người lao động.
- Nhóm quạt Công nghiệp Gale: Sản lượng tiêu thụ tuy chưa đạt so với kế hoạch, nhưng đã có sự tăng trưởng so với năm 2023, một phần vì chúng ta phát triển một số model mới có tính cạnh tranh hơn, làm động lực thúc đẩy sản lượng tăng trưởng ở một số khu vực thị trường (Hải Phòng, Đà Nẵng), một phần vì các cơ sở sản xuất công nghiệp dần phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh nên nhu cầu sử dụng quạt công nghiệp có phần tăng lên.
- Nhóm quạt Mitsubishi: Là dòng sản phẩm phân khúc cao trên thị trường. Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế từ khi xuất hiện đại dịch, sản lượng tiêu thụ giảm qua các năm. Năm 2024 sản lượng tiêu thụ có tín hiệu tăng dần trở lại. Quá trình hợp tác với đối tác Mitsubishi mang lại nhiều lợi ích hữu hình và vô hình cho DHP.



## VII. PRODUCTION AND BUSINESS ACTIVITIES (...continued)

### **D. Shareholder structure and changes in ownership capital:**

**Shares:** Board members did not carry out any transactions in 2024.

### **E. Assessment by the Board of General Directors:**

- In 2024, HAPEMCO recorded a sales revenue of VND 238.935 billion, an increase of 4.4% compared to 2023.
- However, the revenue target for 2024 was not met due to lower-than-expected sales volumes of finished fan products under the Phong Lan, Gale, and Mitsubishi brands.
- Core product lines such as Phong Lan and Gale electric fans saw a decline in sales volume. The export market for household fans continued to face many challenges, as the economies of several key importing countries have not yet fully recovered from economic crises. Additionally, Chinese suppliers, facing difficulties in their own export markets, offered significantly more competitive export prices than the production costs in Vietnam.
- The prices of materials used in fan production increased, especially copper wire and aluminum—key raw materials that account for a large proportion of fan production costs—due to the impacts of war, sanctions, and trade conflicts. As a result, input production costs rose. The selling prices of Phong Lan and Gale products had no opportunity to decrease; instead, the company had to maintain current prices while implementing deep discount and promotional programs to stimulate consumption amid intense competition and price reductions from other competitors.
- PhongLan’s fans output: Market demand remains high, with strong potential for market share expansion. However, the market is currently flooded with low-cost components, allowing private workshops to easily purchase and assemble competitive products at lower prices. Additionally, several other branded products have continuously expanded their market share through low-price strategies, significantly impacting the sales volume of Phong Lan fans in recent years.
- To pursue growth objectives, we must continue to optimize production in order to reduce product costs, create more jobs, and ensure stable year-round income for our workers.
- Gale industrial fan segment: Although sales volume has not yet met the planned targets, there was growth compared to 2023. This was partly due to the development of several new, more competitive models that served as a driving force for sales growth in certain market areas (Hai Phong, Da Nang). Additionally, the gradual recovery of production and business activities in industrial facilities has contributed to a modest increase in demand for industrial fans.
- Mitsubishi fan segment: This is a high-end product line in the market. Due to the economic downturn since the onset of the pandemic, sales volume has declined over the years. However, in 2024, sales volume has shown signs of gradual recovery. The partnership with Mitsubishi has brought both tangible and intangible benefits to DHP.

## VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (...tiếp)



- Nhóm lồng quạt CN và gia dụng các loại, ngoài phục vụ lắp ráp quạt thành phẩm, chúng ta còn cung cấp cho các số đối tác cùng ngành. Năm 2024 sản lượng tăng trưởng và đạt 84,6% so với kế hoạch do các đối tác truyền thống tăng sản lượng đặt hàng của chúng ta, thay vì chỉ sản lượng cho các nhà cung cấp khác.
- Nhóm Vật tư và BTP khác: Gồm Bobbin nhựa quần dây đồng, linh kiện nhựa, hạt nhựa, sắt thép... Doanh số năm 2024 tăng 58,3% so với kế hoạch do kế hoạch đầu năm chúng ta xây dựng ở mức khiêm tốn và tập trung vào những ngành hàng có tính bền vững là sản phẩm quạt điện dân dụng Phong lan và quạt công nghiệp Gale.
- Thị trường quạt điện có tính cạnh tranh cao, cùng với ảnh hưởng của suy thoái kinh tế sau đại dịch, chiến tranh, thiên tai... Mặc dù tập thể CBCNV đã nỗ lực cải tiến CLSP, phát triển sản phẩm mới, tăng năng suất lao động, hạ giá thành nhằm tăng tính cạnh tranh của sản phẩm. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ và doanh số năm 2024 chưa thể hoàn thành kế hoạch đề ra.
- Ngoài yếu tố khách quan, yếu tố chất lượng chưa được cải thiện triệt để cũng ảnh hưởng rất lớn đến sản lượng tiêu thụ. Năm 2024 tỉ lệ bảo hành tổng thể các sản phẩm quạt Phong Lan là 3,27%; quạt Gale là 2,39%. Các năm trước tỉ lệ bình quân 2,71%, tỉ lệ này vẫn chưa đáp ứng được mục tiêu nâng cao Chất lượng sản phẩm đã xây dựng (tỉ lệ bảo hành dưới 1%).
- Vấn đề tồn tại lớn là chất lượng sản phẩm chưa được kiểm soát triệt để, do tính tuân thủ hệ thống kém trong quá trình vận hành sản xuất. Nguồn vật tư, bán thành phẩm mới chưa được thử nghiệm đánh giá kỹ càng, sản phẩm mới chưa dành nhiều thời gian chạy thử, phân tích chuyên sâu trước khi sản xuất hàng loạt đưa ra thị trường...
- Thực trạng trên yêu cầu Công ty thường xuyên nâng cấp hệ thống đội ngũ kỹ thuật, KCS là những bộ phận có vai trò quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng sản phẩm. Tăng cường kỷ cương, siết chặt quản lý từ ý thức đến hành vi của Cán bộ Công nhân viên trong việc nâng cao Chất lượng sản phẩm.
- Tuy doanh số năm 2024 chưa hoàn thành, lợi nhuận sau thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng và đạt 12,008 tỷ (đạt 93,78% kế hoạch). Sở dĩ đạt kết quả trên do chênh lệch giá hàng tồn kho quạt Mitsubishi so với giá tăng năm 2024 và chúng ta thực hiện hiệu quả việc kiểm soát chi phí quản lý doanh nghiệp.

## VII. PRODUCTION AND BUSINESS ACTIVITIES (...continued)

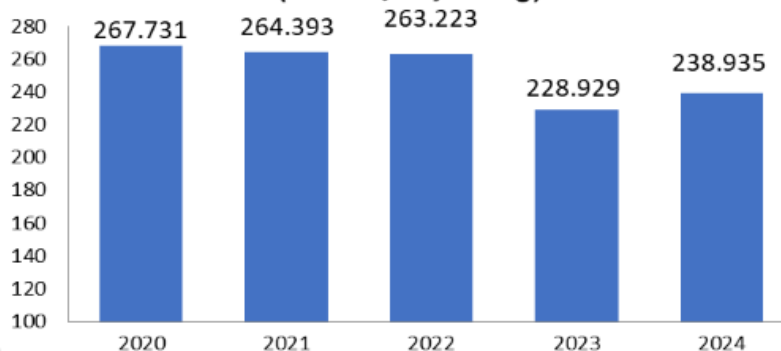


- Industrial and household fan cages: In addition to serving finished fan assembly, we also supply these products to several industry partners. In 2024, production volume increased and reached 84.6% of the planned target. This growth was driven by traditional partners increasing their order volumes with us, instead of allocating them to other suppliers.
- Other materials and semi-finished products: This group includes plastic bobbins for copper wire winding, plastic components, plastic pellets, steel, and iron. Sales in 2024 increased by 58.3% compared to the plan, as the initial yearly plan was set at a conservative level. The focus was placed on sustainable product lines such as Phong Lan household fans and Gale industrial fans.
- The electric fan market is highly competitive, further impacted by the economic downturn following the pandemic, ongoing conflicts, and natural disasters. Despite the collective efforts of all employees to improve product quality, develop new products, increase labor productivity, and reduce costs to enhance product competitiveness, the sales volume and revenue in 2024 have not yet met the planned targets.
- In addition to external factors, unresolved quality issues have also significantly affected sales volume. In 2024, the overall warranty rate for Phong Lan fan products was 3.27%, and for Gale fans, it was 2.39%. In previous years, the average rate was 2.71%. These figures still fall short of the company's quality improvement target, which aims to reduce the warranty rate to below 1%.
- Quality control suffers from poor system compliance; new materials and products lack thorough testing before mass production. To address this, the company must continuously upgrade technical and quality control teams and strengthen employee discipline.
- The above situation requires the Company to continuously upgrade its technical and quality control teams (KCS), which play a crucial role in improving product quality. Strengthening discipline and tightening management from awareness to behavior of employees is essential to enhance product quality.
- Although sales revenue in 2024 did not meet the target, after-tax profit from manufacturing and business activities increased and reached VND 12.008 billion, achieving 93.78% of the plan. This result was mainly due to the difference in inventory valuation of Mitsubishi fans amid rising prices in 2024, as well as effective control of corporate administrative expenses.

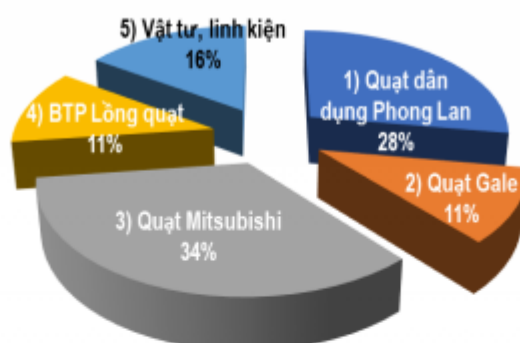
## VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (...tiếp)



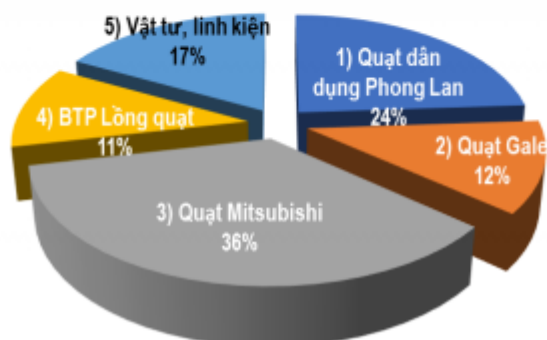
**Doanh thu bán hàng từ 2020 - 2024**  
(đơn vị: Tỷ đồng)



**Cơ cấu doanh thu năm 2023:**



**Cơ cấu doanh thu năm 2024:**



## VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (...tiếp)



### **F. Định hướng và mục tiêu của HĐQT:**

#### **1. Khẳng định vững mạnh về tổ chức,** Nguồn nhân lực: Luôn được xác định là tài sản của



doanh nghiệp. Mọi thành quả đổi mới, phát triển, nâng tính cạnh tranh, nâng vị thế của doanh nghiệp đều khởi nguồn từ nguồn nhân lực. Với nhận thức nghiêm túc về nguồn nhân lực, Công ty sẽ ngày càng chú trọng hơn nữa việc phát triển chiều sâu nhân sự tại tất cả các bộ phận. Hiện tại một số phòng ban như Kinh doanh, Kỹ thuật - KCS, nhân sự chưa đạt sự ổn định cao.

Việc bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cho các phòng nghiệp vụ của công ty tiếp tục được

ưu tiên cho các năm tiếp theo cho phù hợp với định hướng chuyển dịch tỉ lệ cơ cấu mặt hàng. Tập trung phát triển các mặt hàng có hàm lượng chất xám cao, tạo thương hiệu của công ty.

#### **2. Chiến lược phát triển:**

Duy trì và phát huy chính sách khuyến khích, đãi ngộ nguồn nhân lực. Lương bình quân của CBCNV được xây dựng tăng 10 - 20% từ cuối năm 2022 và duy trì ổn định. Tuy nhiên năm 2024, do thị trường tiêu thụ chưa phục hồi, hàng tồn kho nhiều. Một số bộ phận phải cắt giảm ngày làm việc trong tuần tại các tháng thấp điểm, tiền lương giảm ảnh hưởng đến thu nhập bình quân của người lao động. Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015 tại các Phòng ban, Phân xưởng. Tiếp tục thực hiện và duy trì mô hình quản lý theo tiêu chuẩn 5S do Tổ chức Jica Nhật Bản tư vấn và hướng dẫn đồng thời áp dụng tại các phân xưởng còn lại trong Công ty.

#### **3. Các mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng:**

- Đối với người tiêu dùng: Cung cấp những sản phẩm đạt chất lượng cao nhằm khai thác tốt và đẩy mạnh ý thức người Việt dùng hàng Việt trong người tiêu dùng Việt Nam.
- Đối với khách hàng và đối tác: Luôn đề cao tinh thần hợp tác cùng phát triển, luôn coi khách hàng và đối tác như một người bạn đồng hành, đảm bảo quyền lợi tối đa cho khách hàng và đối tác bằng những chính sách hấp dẫn và lâu dài.
- Đối với đội ngũ nhân viên: Lấy con người làm yếu tố then chốt trong sự nghiệp xây dựng và phát triển, tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho lao động địa phương, tiếp thu những công nghệ tiên tiến nước ngoài nhằm mục đích phục vụ nhu cầu trong nước, thay thế các sản phẩm nhập ngoại tiết kiệm ngoại tệ cho đất nước.





### **F. Strategic Direction and Goals of the Board of Directors:**

#### **1. Affirming Organizational Strength, Human Resources:** Always regarded as the



enterprise's most valuable asset. All achievements in innovation, development, competitiveness enhancement, and corporate positioning originate from human resources. With a serious recognition of the importance of human capital, the company will increasingly focus on in-depth human resource development across all departments. Currently, several departments such as Sales, Engineering – Quality Control (KCS), and Human Resources have not yet reached a high level of stability.

Recruiting high-quality personnel for the company's functional departments will continue to be a priority in the coming years. The focus will be on developing high intellectual value products, thereby building and strengthening the company's brand.

**2. Development Strategy:** The Company remains committed to enhancing human resource policies, recognizing employees as its most valuable asset. Average salaries were increased by 10–20% from late 2022 and kept stable. However, in 2024, market challenges led to reduced working days in some departments, affecting employee income.

The Company will continue maintaining ISO 9001:2015 quality standards and expand the 5S management model, with support from Japan's JICA, to all remaining workshops.

#### **3. Objectives Toward Society and the Community**

- **For Consumers:** Provide high-quality electric fans to promote and strengthen the awareness and preference of Vietnamese consumers for Vietnamese-made products.
- **For Customers and Partners:** Emphasize the spirit of cooperation and mutual development. Customers and partners are regarded as long-term companions. The Company is committed to ensuring maximum benefits for them through attractive and sustainable policies.
- **For Employees:** Consider human resources as the key factor in the Company's development journey. Strive to create more employment opportunities for local workers, while adopting advanced foreign technologies to meet domestic demand and replace imported goods, thereby helping the country save foreign currency.



### **G. Các rủi ro:**

#### **1. Rủi ro kinh tế:**

**Sự biến động:** của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng.

Nền kinh tế Việt Nam vẫn còn đối mặt với nhiều rủi ro bất lợi, do khoảng đệm chính sách còn hạn chế nên các cú sốc bên ngoài và trong nước có thể ảnh hưởng lên sự ổn định kinh tế vĩ mô. Kinh tế tăng trưởng chậm khiến cho nhu cầu đối với các sản phẩm quạt điện và linh kiện quạt của Công ty bị giảm sút trong ngắn hạn. Đồng thời cũng ảnh hưởng đến việc mở rộng kinh doanh sang các lĩnh vực khác của Công ty như kinh doanh sắt thép.

Để quản lý các rủi ro do tác động của môi trường kinh tế vĩ mô, Công ty đã tiến hành dự báo tình hình phát triển kinh tế để lập kế hoạch kinh doanh phù hợp với các kịch bản tăng trưởng trong tương lai.

Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện tiết kiệm chi phí một cách triệt để nhằm gia tăng biên lợi nhuận của lĩnh vực kinh doanh truyền thống và các lĩnh vực kinh doanh khác.

**Tỷ giá:** Hiện nay, một số nguồn nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm của Điện cơ Hải Phòng một phần được nhập khẩu từ nước ngoài. Do đó, giá cả nguyên vật liệu có thể bị tác động bởi những biến động về tỷ giá và gây tác động tăng chi phí sản xuất của Công ty. Đây là rủi ro khách quan và Công ty cũng sẽ điều chỉnh giá đầu vào cũng như điều chỉnh giá bán.

Để giảm thiểu ảnh hưởng của loại rủi ro này, Công ty luôn theo sát chính sách quản lý tiền tệ của Nhà nước, thường xuyên tiến hành công tác dự báo biến động giá cả của nguyên vật liệu, tiến hành lựa chọn nhà cung cấp có uy tín, có nguồn hàng ổn định và hợp tác lâu dài với Công ty để từ đó chủ động nhập khẩu và tồn trữ nguyên vật liệu vào thời điểm thích hợp nhằm đảm bảo sự ổn định của giá nguyên vật liệu.





### **G. Risks**

#### **1. Economic Risks**

Fluctuations in macroeconomic variables such as growth rate, inflation, interest rates, exchange rates, and government policies—including those aimed at adjusting macroeconomic indicators or promoting industry development—can have both direct and indirect impacts on the operations and business performance of companies in general, and on the Company in particular.

Vietnam's economy continues to face several unfavorable risks. Due to limited policy buffers, both external and internal shocks may affect macroeconomic stability. Slower economic growth has led to a short-term decline in demand for the Company's electric fans and fan component products. At the same time, it has also affected the Company's plans to expand into other business areas, such as steel trading.

To manage risks arising from macroeconomic conditions, the Company has proactively conducted economic forecasting and developed business plans aligned with different future growth scenarios.

In addition, the Company has implemented aggressive cost-saving measures to improve profit margins in both its core and expanded business areas.

#### **Exchange Rate Risk:**

Currently, a portion of the raw materials used in HAPEMCO products is imported. As a result, raw material prices may be affected by exchange rate fluctuations, which can lead to increased production costs. This is an objective risk, and the Company will adjust both input costs and selling prices as necessary.

To minimize the impact of this type of risk, the Company closely monitors the State's monetary policies, regularly forecasts fluctuations in raw material prices, selects reputable suppliers with stable sources and long-term partnerships, and proactively manages the timing of raw material imports and stockpiling to ensure cost stability.



### **2. Rủi ro luật pháp:**

Là Công ty hoạt động trong ngành sản xuất quạt điện và linh kiện quạt nên Công ty cũng chịu ảnh hưởng từ các chính sách Nhà nước như: định hướng phát triển ngành, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế....

Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Đến nay, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới nên sẽ tiến hành từng bước những cải tổ về hành lang pháp lý phù hợp với thông lệ quốc tế. Quá trình chỉnh sửa, hướng dẫn các văn bản Luật kéo dài và có nhiều văn bản chồng chéo gây khó khăn trong hoạt động của doanh nghiệp. Do vậy, những biến động về pháp luật đều tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Do đó, nhằm hạn chế rủi ro, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước cũng như pháp luật để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp cho từng thời kỳ.

### **3. Rủi ro tài chính:**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

### **4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết:**

Giá của một loại cổ phiếu tại từng thời điểm được xác định bởi cung cầu trên thị trường, mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư.

Việc biến động giá cổ phiếu của Công ty sẽ không chỉ phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin, tình hình cung cầu của thị trường đối với cổ phiếu của Công ty...



### **2. Legal Risks:**

As a company operating in the electric fan and fan components manufacturing industry, the Company is subject to various State policies, including industry development orientations, incentives, restrictions, and tax policies.

Any changes in these policies may affect the Company's business operations, causing fluctuations in profitability.

To date, Vietnam has officially become a member of the World Trade Organization (WTO), which involves gradual reforms of the legal framework to align with international practices. The process of revising and guiding legal documents is lengthy and often involves overlapping regulations, creating difficulties for businesses. Therefore, legal fluctuations significantly impact the Company's production and business activities.

To mitigate such risks, the Company prioritizes studying and keeping up-to-date with new legal regulations, closely following the Party and State's policies and laws, and developing suitable business development strategies and plans for each period.

### **3. Financial Risks:**

The Company has established a risk management system to identify and assess risks it faces, and to set up policies and control procedures to keep risks within acceptable levels. This risk management system is regularly reviewed to reflect changes in market conditions and the Company's operations.

### **4. Listed Stock Price Volatility Risks:**

The price of a stock at any given time is determined by market supply and demand, which in turn depends on numerous economic factors and investor psychology.

Fluctuations in the Company's stock price are influenced not only by its business performance but also by other factors such as the transparency and timeliness of information disclosure, as well as market supply and demand for the Company's shares.

## VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (...tiếp)



Để giảm thiểu tối đa những rủi ro có thể xảy ra đối với biến động giá cổ phiếu, Công ty đã ban hành Quy trình Công bố thông tin. Công ty và các cá nhân có liên quan đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định của Nhà nước hướng dẫn công bố thông tin trên TTCK.

Điều này sẽ giúp các nhà đầu tư tiếp cận được với những thông tin liên quan của Công ty một cách chính xác và hiệu quả. Từ đó, các nhà đầu tư có thể đưa ra được quyết định đầu tư đúng đắn hơn.

### **5. Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro kể trên, Công ty cũng có khả năng gặp phải các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này, Công ty đã mua bảo hiểm rủi ro cho các tài sản như nhà xưởng, hàng hóa thành phẩm tồn kho và bảo hiểm con người.

### **Định hướng—Mục tiêu:**

**Quy mô** hiện ở mức trung bình ngành. DHP hiện có 2 nhà máy sản xuất đều đặt tại Hải Phòng. Nhà máy tại 734 Nguyễn Văn Linh với năng lực sản xuất hơn 250.000 chiếc/năm và 500.000 – 1 triệu bộ lồng quạt/năm.

Nhà máy sản xuất tại KCN Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng chủ yếu để sản xuất các loại quạt công nghiệp, có công suất đạt 70.000 chiếc/năm và năng lực sản xuất lồng quạt công nghiệp đạt khoảng 250.000 bộ/năm.

**Thị trường** mục tiêu của DHP là phân khúc khách hàng bình dân, với trên 70 sản phẩm khác nhau có các chủng loại mẫu mã rất đa dạng để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. So với doanh nghiệp đứng đầu ngành là Vinawind thì công suất sản xuất của DHP không cao, tuy nhiên tại thị trường tiêu thụ chính là TP Hải Phòng thì DHP là doanh nghiệp sản xuất quạt điện có quy mô lớn nhất hiện nay.

**Chiếm 60%** thị phần quạt điện tại Hải Phòng. Các thị trường tiêu thụ chính là Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Ninh, Thái Bình và Hà Nội; trong đó Hải Phòng vẫn là thị trường tiêu thụ chủ yếu, chiếm khoảng 40% sản lượng tiêu thụ của Công ty.

**Đối với phân khúc thị trường cao cấp**, DHP không trực tiếp sản xuất sản phẩm mà thực hiện thông qua việc phân phối quạt điện nhập khẩu từ Nhật Bản mang nhãn hiệu Mitsubishi. Giá bán bình quân của dòng sản phẩm này khoảng 1,7—2,5 triệu VNĐ/chiếc.



To minimize the risks associated with stock price volatility, the Company has established an Information Disclosure Procedure. The Company and all related individuals ensure full and timely compliance with State regulations governing information disclosure in the securities market.

This helps investors access accurate and effective information about the Company, enabling them to make more informed investment decisions.

### **5. Miscellaneous Risks:**

In addition to the risks mentioned above, the Company may also face other risks such as natural disasters, armed conflicts, fires, and other force majeure events. If these occur, they could cause damage to assets, personnel, and the overall operational status of the Company.

To mitigate potential losses from these risks, the Company has purchased insurance coverage for assets including factories, finished goods inventory, as well as employee insurance.

### **Orientation — Objectives:**

The Company is currently at a medium scale within the industry. DHP operates two manufacturing plants, both located in Hai Phong. The plant at 734 Nguyen Van Linh has an annual production capacity of over 250,000 units and 500,000 to 1 million fan cages per year.

The manufacturing facility in Quan Tru Industrial Park, Kien An, Hai Phong primarily produces industrial fans, with a capacity of 70,000 units per year and an industrial fan cage production capacity of approximately 250,000 units annually.

DHP's target market is the mass consumer segment, offering over 70 different products with a wide variety of models to meet consumer demand. Compared to the industry leader Vinawind, DHP's production capacity is smaller. However, in its main market—Hai Phong City—DHP is currently the largest electric fan manufacturer.

DHP holds 60% of the electric fan market share in Hai Phong. The main consumption markets include Hai Phong, Hai Duong, Hung Yen, Quang Ninh, Thai Binh, and Hanoi, with Hai Phong accounting for approximately 40% of the Company's sales volume.

For the high-end market segment, DHP does not produce products directly but distributes imported electric fans from Japan under the Mitsubishi brand. The average selling price of this product line ranges from approximately VND 1.7 to 2.5 million per unit.



## VII. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (...tiếp)



Việc là nhà phân phối độc quyền dòng sản phẩm này tại thị trường miền Trung từ Đà Nẵng ra miền Bắc đã tạo lợi thế tiêu thụ lớn cho DHP. Trong đó Mitsubishi là một trong 3 thương hiệu quạt điện nhập ngoại được ưa chuộng nhất hiện nay, bên cạnh Sharp và Panasonic. Trong cơ cấu doanh thu của Công ty, mảng kinh doanh thương mại và sản xuất quạt điện đang có tỷ trọng tương đương nhau.

Điều này có được nhờ thương hiệu quạt điện Phong Lan, Gale đã được xây dựng khá tốt, giúp Công ty duy trì được thị phần tiêu thụ tốt tại Hải Phòng; đồng thời hoạt động cung cấp linh kiện của Công ty cũng rất ít đối thủ cạnh tranh.

**Tốc độ tăng trưởng tốt:** Công ty vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận khá đều đặn. Trung bình trong vòng 5 năm trở lại đây, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của DHP tăng trưởng bình quân trên 5%/năm.

**Tỷ lệ nợ vay an toàn:** Toàn bộ nợ vay của Công ty hiện tại chủ yếu là nợ ngắn hạn để tiến hành mua vật tư, Bán thành phẩm phục vụ SXKD và đang được kiểm soát ở mức khá an toàn.

**Biên lợi nhuận duy trì ổn định:** Trong cơ cấu sản xuất của Công ty, chi phí nguyên liệu chiếm khoảng 70%, chủ yếu là thép, hạt nhựa, sơn bột tĩnh điện, dây đồng... Nguyên liệu chủ yếu được đặt hàng từ các nhà sản xuất trong nước, ngoại trừ hạt nhựa được nhập trực tiếp từ Đài Loan, Hàn Quốc...



## VII. PRODUCTION AND BUSINESS ACTIVITIES (...continued)



Being the exclusive distributor of this product line in the Central region—from Da Nang to the North—has created a significant sales advantage for DHP. Mitsubishi is currently one of the top three most popular imported electric fan brands, alongside Sharp and Panasonic. Within the Company's revenue structure, the trading business and electric fan manufacturing sectors hold roughly equal shares.

This success is largely attributed to the well-established brands Phong Lan and Gale, which have helped the Company maintain a strong market share in Hai Phong. Additionally, the Company's component supply business faces very little competition.

**Strong Growth Rate:** The Company has consistently maintained steady revenue and profit growth. Over the past five years, DHP's revenue and after-tax profit have grown at an average annual rate of over 5%.

**Safe Debt Ratio:** Currently, the Company's debt is primarily short-term, used for purchasing materials and semi-finished products to support production and business activities, and is managed at a relatively safe level.

**Stable Profit Margin:** In the Company's production structure, raw material costs account for about 70%, mainly steel, plastic pellets, powder coating paint, copper wire, etc. Most raw materials are sourced domestically, except for plastic pellets, which are directly imported from Taiwan, South Korea, and other countries.





## VIII. NĂNG LỰC SẢN XUẤT, TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ



1. Quạt điện dân dụng các loại: 250.000 cái/năm;
2. Lồng quạt các loại: 500.000 – 1 triệu bộ/năm;
3. Quạt điện công nghiệp: 70.000 cái/năm;
4. Lồng quạt công nghiệp: 250.000 bộ/năm;
5. Bộ linh kiện khác: 85.000 bộ/năm.

- Quạt điện các loại: bao gồm các loại quạt dân dụng, quạt công nghiệp và quạt nhập khẩu với các thương hiệu Phong Lan, Gale và Mitshubishi của Nhật do Công ty độc quyền phân phối ở khu vực Miền Bắc đã trở thành mặt hàng quen thuộc với người tiêu dùng, đặc biệt ở thị trường Hải Phòng, các tỉnh thành phía Bắc và một số các tỉnh thành ở miền Trung, miền Nam do những đặc điểm nổi trội của sản phẩm là mẫu mã đa dạng, bền, đẹp, tiết kiệm điện năng và giá thành rất cạnh tranh, phù hợp với mọi tầng lớp người tiêu dùng. Đây là nhóm sản phẩm chính của Công ty, chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu hàng năm, trên 65% doanh thu.

- Lồng quạt các loại: là mảng kinh doanh lớn thứ hai của Công ty sau nhóm sản phẩm quạt điện các loại. Lồng quạt của Điện cơ Hải Phòng đã tạo được chỗ đứng vững chắc trên thị trường do sản phẩm có chất lượng tốt mà giá lại rất cạnh tranh. Hiện nay, ngoài việc sản xuất lồng quạt phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty, Công ty còn nhận sản xuất và gia công các loại lồng quạt theo đơn đặt hàng cho các công ty như : Công ty Điện cơ Thống Nhất, Công ty TNHH MTV Quang điện – Điện tử v.v.

- Vật tư, bán thành phẩm khác: Công ty cung cấp linh kiện nhựa quạt, các chi tiết cơ khí ... cho các khách hàng là các nhà sản xuất quạt điện. Nhóm sản phẩm này chiếm tỷ trọng tương đối trong cơ cấu doanh thu của Công ty.

## VIII. PRODUCTION CAPACITY AND TECHNOLOGICAL LEVEL



1. Various types of household electric fans: 250,000 sets/year;
2. Various types of fan cages: 500,000 – 1 million sets/year;
3. Industrial electric fans: 70,000 units/year;
4. Industrial fan cages: 250,000 sets/year;
5. Other component sets: 85,000 sets/year.

- Electric Fans: This category includes household fans, industrial fans, and imported fans under the Phong Lan, Gale, and Mitsubishi brands, for which the Company holds exclusive distribution rights in the Northern region. These products have become familiar to consumers, especially in Hai Phong, northern provinces, and some central and southern provinces. The products are distinguished by their diverse designs, durability, attractive appearance, energy efficiency, and very competitive prices, suitable for all consumer segments. This is the Company's main product group, accounting for over 65% of annual revenue.

- Fan Cages: This is the Company's second largest business segment after electric fans. Hai Phong Electromechanical's fan cages have established a solid market position due to their good quality and competitive prices. Besides producing fan cages for the Company's own manufacturing needs, the Company also undertakes production and processing of fan cages on order for other companies such as Thong Nhat Electromechanical Company, Quang Dien Electronics Co., Ltd., etc.

- Other Materials and Semi-finished Products: The Company supplies plastic fan components, mechanical parts, and other accessories to electric fan manufacturers. This product group represents a considerable portion of the Company's revenue structure.



## VIII. NĂNG LỰC SẢN XUẤT, TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ (tiếp...)



## IX. CƠ CẤU VÀ CÁC CHÍNH SÁCH



### **Chính sách cổ tức:**

Công ty chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn cũng như trích lập các nguồn quỹ khác.

Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng Quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo quý hoặc 6 tháng nhưng không vượt quá mức số cổ tức dự kiến.

### **Bảo hiểm và phúc lợi:**

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Hàng năm, công ty tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

- Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 150 người .

- Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2024 là **9.600.000** đồng/người/tháng.
- Đây là mức thu nhập cao so với các doanh nghiệp khác trong ngành và so với các doanh nghiệp khác trong cùng địa phương. Điều này cho thấy chính sách đãi ngộ đối với người lao động và hiệu quả sử dụng lao động của Công ty là tốt.
- Theo Luật doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ của Công ty quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo pháp luật hiện hành.

## IX. STRUCTURE AND POLICIES



### **Dividend Policy:**

The Company pays dividends to shareholders when it generates profits and after fulfilling tax obligations and other financial responsibilities as required by law.

The dividend rate is determined by the General Meeting of Shareholders based on the proposal of the Board of Directors, taking into account the business performance of the current year and the business plans for the following years. Dividends are distributed to shareholders proportionally to their capital contributions. When dividends are paid as regulated, the Company must still ensure its ability to meet debt payments and other obligations as they come due, as well as allocate funds for other reserves.

Depending on the actual situation, the Board of Directors may advance dividends to shareholders quarterly or semi-annually, but not exceeding the projected dividend amount.

### **Insurance and Welfare:**

The Company makes contributions to social insurance, health insurance, and unemployment insurance in accordance with current legal regulations. It implements social security policies for employees following the Labor Law and the Company's internal labor regulations. The Company always pays attention to the living standards and improves conditions for its staff and workers.

The Company also prioritizes occupational safety for direct production workers. Insurance benefits for employees are fully provided in compliance with the Labor Law. On holidays and Tet (Lunar New Year), the Company organizes regular trips and vacations for its employees annually.

As of December 31st, 2024, the total number of employees at the Company was 150. The average monthly salary of employees in 2024 was 9,600,000 VND per person per month. This income level is high compared to other companies in the industry and other businesses in the same locality, indicating that the Company's remuneration policies and labor utilization efficiency are good. According to the Enterprise Law, the establishment and use of funds annually are decided by the Company's General Meeting of Shareholders. The Company allocates funds according to the provisions of its Charter and current laws.

## X. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY



- Điện cơ Hải Phòng đang đẩy mạnh phát triển thị phần, đa dạng hoá chủng loại, mẫu mã sản phẩm đồng thời từng bước hiện đại hoá hệ thống dây chuyền sản xuất để ĐCHP ngày càng phát triển vững mạnh hơn nữa và hướng đến mục tiêu trở thành một trong những Công ty hàng đầu ở Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất quạt điện và cung cấp linh kiện quạt điện.

- Đầu tư đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động, phát triển các phong trào

thi đua sáng tạo, có chính sách thu hút lao động chất lượng cao đặc biệt là lao động quản lý, đào tạo và nâng cao nghiệp vụ chuyên môn... nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng tốt hơn ;

- Chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của CB-CNV Công ty; xây dựng chính sách khen thưởng nhằm phát huy, kích thích tính sáng tạo của CBCNV; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, đoàn kết, tin cậy, trẻ hoá đội ngũ quản lý, xây dựng văn hoá doanh nghiệp.
- Áp dụng một cách có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015; tiếp tục triển khai và vận dụng mô hình 5S về quản lý Công ty.
- Kiểm soát tốt chi phí để xây dựng cơ cấu giá thành hợp lý, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường; tạo nguồn vốn để đầu tư có hiệu quả, mở rộng thị trường. Có kế hoạch sử dụng vốn, vòng quay vốn có hiệu quả;
- Kiểm tra giám sát hoạt động tài chính, kế toán đảm bảo việc tuân thủ chính sách của Công ty; thiết lập và quan hệ tốt với các Ngân hàng để có hình thức huy động vốn phù hợp với cơ cấu nguồn vốn của Công ty nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư mở rộng của Công ty;
- Từng bước xây dựng hệ thống dữ liệu khách hàng, phân loại khách hàng, có chính sách giữ vững và phát triển khách hàng lớn. Triển khai tốt hơn nữa công tác tiếp thị bán hàng, công tác Marketing, quảng bá hình ảnh của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng và tới người tiêu dùng.



## X. COMPANY DEVELOPMENT STRATEGY



- Hai Phong Electrical Mechanical JSC (HAPEMCO) is actively expanding its market share, diversifying product types and designs, while gradually modernizing its production lines to continuously strengthen its development. The company aims to become one of the leading enterprises in Vietnam in the field of electric fan manufacturing and supplying electric fan components.
- Investments are made in training and improving workers' skills, promoting creative emulation movements, and implementing policies to attract high-quality labor, especially managerial staff, as well as training and enhancing professional expertise to boost the company's business performance.
- The company takes care of the material and spiritual well-being of its employees, establishes reward policies to encourage and stimulate creativity, builds a professional, united, and trustworthy working environment, rejuvenates the management team, and develops a strong corporate culture.
- Effectively applying the Quality Management System according to ISO 9001:2015 standards; continuing to deploy and implement the 5S management model in the company.
- Strict cost control to establish a reasonable pricing structure, increase product competitiveness in the market, create capital for effective investment, and expand the market. Planning the effective use of capital and capital turnover.
- Monitoring and supervising financial and accounting activities to ensure compliance with company policies; establishing good relationships with banks to mobilize capital appropriately according to the company's capital structure to ensure sufficient funds for business operations and expansion investments.
- Gradually building a customer database system, classifying customers, and implementing policies to retain and develop major customers. Further enhancing sales marketing efforts, marketing activities, and promoting the company's image through mass media and to consumers.





### **1. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty:**

- Trong năm qua, Hội đồng Quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm giám sát và chỉ đạo đối với Ban Tổng Giám đốc cũng như các cán bộ quản lý của Công ty nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra hiệu quả, minh bạch và đúng theo chiến lược đã đề ra.
- HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ để đánh giá tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh, công tác quản lý tài chính và thực hiện các kế hoạch đầu tư của Ban Tổng Giám đốc. Qua đó, kịp thời đưa ra các chỉ đạo, điều chỉnh chiến lược phù hợp với diễn biến thị trường và các điều kiện kinh tế vĩ mô.
- Ngoài ra, HĐQT cũng giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, chính sách nội bộ, cũng như đảm bảo thực hiện nghiêm túc các quy trình kiểm soát nội bộ nhằm giảm thiểu rủi ro trong hoạt động của Công ty.
- Việc đánh giá hiệu quả hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý được thực hiện thông qua các tiêu chí rõ ràng liên quan đến mục tiêu kinh doanh, quản lý nguồn lực, năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Kết quả đánh giá là căn cứ để HĐQT xem xét các chính sách khen thưởng, đào tạo hoặc điều chỉnh nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và hoạt động của Công ty.
- HĐQT luôn duy trì sự phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững của Công ty được thực hiện một cách hiệu quả và minh bạch.

### **2. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT, không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

### **3. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc:**

Trong năm, Hội đồng Quản trị đã tiến hành giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc thông qua các báo cáo định kỳ, các cuộc họp và các chỉ tiêu kinh doanh được giao. Kết quả cho thấy Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt vai trò điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo hiệu quả và tuân thủ đúng các chiến lược, kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua.

Ngoài ra, Tổng Giám đốc cũng đã có những chỉ đạo kịp thời trong việc thích ứng với các yếu tố biến động của thị trường và các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế vĩ mô, giúp Công ty duy trì được mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định.

Trên cơ sở đó, Hội đồng Quản trị đánh giá cao năng lực điều hành và tinh thần trách nhiệm của Tổng Giám đốc trong việc tổ chức, quản lý và định hướng phát triển Công ty trong giai đoạn vừa qua.

## XI. OPERATIONAL PERFORMANCE DURING THE YEAR



### **1. The Supervisory Activities of the Board of Directors Over the Executive Board and Company Management:**

- Over the past year, the Board of Directors (BOD) has fully performed its supervisory and directive responsibilities over the Executive Board and the Company's management team to ensure that business operations are effective, transparent, and aligned with the strategic direction.
- The BOD regularly held periodic meetings to assess the Company's operations, business performance, financial management, and the implementation of investment plans by the Executive Board. Based on these assessments, the BOD issued timely directives and adjusted strategies in accordance with market developments and macroeconomic conditions.
- Additionally, the BOD monitored compliance with legal regulations, internal policies, and ensured strict implementation of internal control procedures to minimize operational risks.
- The performance evaluation of the Executive Board and management personnel was conducted using clear criteria related to business targets, resource management, labor productivity, and product quality. The evaluation results served as a basis for the BOD to consider reward policies, training, or personnel adjustments to enhance governance and operational efficiency.
- The BOD maintained close coordination with the Executive Board to ensure the effective and transparent implementation of the Company's sustainable development goals.

**2. Activities of the Committees Under the Board of Directors:** The Board of Directors operates on a collective basis under the leadership of the Chairman. No committees under the BOD were established.

### **3. Supervision Results Regarding the General Director:**

Throughout the year, the Board of Directors closely monitored the General Director's management activities through periodic reports, meetings, and assigned business targets. The results showed that the General Director effectively fulfilled the role of managing the Company's business operations, ensuring efficiency and strict adherence to the strategies and plans approved by the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.

Furthermore, the General Director issued timely directives to adapt to market fluctuations and potential risks arising from the macroeconomic environment, helping the Company maintain stable revenue and profit growth.

Based on this, the Board of Directors highly values the General Director's management capabilities and sense of responsibility in organizing, managing, and directing the Company's development during the recent period.

## XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM (...tiếp) XI. OPERATIONAL PERFORMANCE DURING THE YEAR



### **3. Thay đổi danh sách về người có liên quan và giao dịch của Cổ đông nội bộ và người có liên quan/Changes in the List of Related Persons and Transactions of Internal Shareholders and Their Related Parties:**

3.1 Giao dịch cổ phiếu/Share Transactions:

3.2 Các giao dịch khác/Other Transactions:

### **4. Báo cáo tài chính/Financial Statements:**

4.1 Ý kiến kiểm toán/Auditor's Opinion:

Công ty TNHH Kiểm toán VACO là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty có ý kiến như sau: Chi tiết tại trang Phụ lục I.

VACO Auditing Co., Ltd., the auditing firm responsible for auditing the Company's financial statements, provided the following opinion: Details are available in Appendix I.

4.1 Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited Financial Statements:

Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2024 được gửi đến các Cơ quan hữu quan, Công bố tại tạp chí Tài chính Doanh nghiệp số 04/2024 đồng thời cũng đã đăng tải đầy đủ nội dung trong mục **Quan hệ Cổ đông/Công bố thông tin** tại website Công ty: <http://www.hapemco.vn>

The audited financial statements for the year 2024 have been submitted to the relevant authorities, published in the Corporate Finance Magazine issue No. 04/2024, and fully posted in the “Investor Relations / Information Disclosure” section on the Company's website: <http://www.hapemco.vn> ./.

*Hải Phòng, 30 tháng 5 năm 2025*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**MAI VĂN MINH**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319, Số 63 Lê Văn Lương  
P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội  
Tel: (84-24) 3577 0781/ Fax: (84-24) 3577 0787  
Website: www.vaco.com.vn

Số: 087/VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2025, từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính (dưới đây gọi chung là "báo cáo tài chính").

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Phương Lan**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0917-2023-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

**Vũ Mạnh Hùng**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2737-2023-156-1

**Văn Phòng Hồ Chí Minh**  
Lầu 11, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ  
P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: (84-28) 3840 6618 - Fax: (84-28) 3840 6616

**Văn Phòng Đồng Nai**  
Số 79 Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng  
TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai  
Tel: (84-251) 382 8560 - Fax: (84-251) 382 8560

**Văn Phòng Bình Dương**  
Số 12 đường số 5, tổ 19  
Khu 3, P. Chánh Nghĩa  
TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương

**Một số từ ngữ viết tắt:**

| STT | Từ viết tắt | Giải nghĩa  |
|-----|-------------|---|
| 1   | DHP         | Mã chứng khoán: Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng |
| 2   | ĐCHP        | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng                 |
| 3   | TV          | Thành viên  |
| 4   | HĐQT        | Hội đồng Quản trị                                 |
| 5   | BKS         | Ban kiểm soát                                     |
| 6   | TCHC        | Tổ chức Hành chính                                |
| 7   | TCKT        | Tài chính Kế toán                                 |
| 8   | ĐHĐCĐ       | Đại hội đồng cổ đông                              |
| 9   | BTP         | Bán thành phẩm                                    |
| 10  | SXKD        | Sản xuất kinh doanh                               |
| 11  | TNDN        | Thu nhập doanh nghiệp                             |
| 12  | CBCNV       | Cán bộ Công nhân viên                             |
| 13  | CBTC        | Công bố thông tin                                 |



# Phong lan

**734 Nguyễn Văn Linh, phường An Dương, quận Lê Chân, TP - Hải Phòng.**

Tel (+84) 225-3835927

Fax (+84) 225-357393, 786121

Email: [diencohaiphong@hapemco.vn](mailto:diencohaiphong@hapemco.vn) - Website: [www.hapemco.vn](http://www.hapemco.vn)